

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

(Giấy CNĐKDN số 0305168938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 23/07/2013)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 191.../QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM cấp ngày 19 tháng 05 năm 2014)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, TP. HCM

Website: www.catlaiport.com.vn

2. CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Trụ sở chính: 56 - 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. HCM

Chi nhánh Hà Nội: 181 Nguyễn Lương Bằng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Chi nhánh Đông Sài Gòn: Tầng 7, tòa nhà 134/1 Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, TP.HCM

Website: www.dag.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Ngô Phạm Viết Tuấn

Số điện thoại: (08) 374.23502

Chức vụ: Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

(Giấy CNĐKDN số 0305168938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27/8/2007, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 23/07/2013)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM**

Tên cổ phiếu: Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu: CLL
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng niêm yết: **24.000.000 cổ phiếu**
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá): 240.000.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tỷ đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (08) 3827 2295 Fax: (08) 3827 2300

Website: www.auditconsult.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Trụ sở chính: 56 – 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (08) 3821 8666 Fax: (08) 3914 4372

Chi nhánh Hà Nội: 181 Nguyễn Lương Bằng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3944 5175 Fax: (04) 3944 5178

Chi nhánh Đông Sài Gòn: Tầng 7, tòa nhà 134/1 Tô Hiến Thành, P.15, Quận 10, TP. HCM

Điện thoại: (08) 3862 9666 Fax: (08) 3868 4748

Website: www.dag.vn

MỤC LỤC



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế	6
2. Rủi ro về luật pháp	7
3. Rủi ro đặc thù	7
4. Rủi ro khác	10
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	11
1. Tổ chức niêm yết	11
2. Tổ chức tư vấn	11
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	12
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	14
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	14
1.1 Giới thiệu về Công ty	14
1.2 Lịch sử hình thành và phát triển	14
1.3 Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm, dịch vụ của Công ty	17
1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty	17
2. Cơ cấu tổ chức Công ty	21
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	21
3.1 Đại hội đồng cổ đông	21
3.2 Hội đồng quản trị	22
3.3 Ban kiểm soát	23
3.4 Ban Giám đốc	24
3.5 Các phòng ban trong Công ty	24
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ Công ty, danh sách cổ đông sáng lập, danh sách cổ đông hạn chế chuyển nhượng và cơ cấu cổ đông	26
4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ	26
4.2 Danh sách cổ đông sáng lập	27
4.3 Danh sách cổ đông chiến lược hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm.....	27
4.4 Cơ cấu cổ đông	28
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.....	28
6. Hoạt động kinh doanh	29
6.1 Sản phẩm và dịch vụ chính.....	29
6.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm	30
6.3 Nguyên vật liệu	33
6.4 Chi phí sản xuất	34
6.5 Trình độ công nghệ	38

6.6	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	39
6.7	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	40
6.8	Hoạt động Marketing	41
6.9	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	41
6.10	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	41
7.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2012, năm 2013 và 3 tháng đầu năm 2014	44
7.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012, 2013 và 3 tháng đầu năm 2014.....	44
7.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo 2013	45
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	46
8.1	Vị thế của Công ty trong ngành và so sánh tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành	46
8.2	Triển vọng phát triển của ngành.....	48
8.3	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.....	49
9.	Chính sách đối với người lao động.....	50
9.1	Số lượng lao động trong Công ty.....	50
9.2	Chính sách đối với người lao động	51
10.	Chính sách cổ tức	53
11.	Tình hình tài chính.....	53
11.1	Các chỉ tiêu cơ bản.....	53
11.2	Thu nhập bình quân của người lao động	54
11.3	Thanh toán các khoản nợ đến hạn	54
11.4	Các khoản phải nộp theo luật định	55
11.5	Trích lập các quỹ.....	56
11.6	Tổng dư nợ vay.....	56
11.7	Tình hình công nợ hiện nay.....	57
11.8	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	58
12.	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng.....	60
12.1	Hội đồng quản trị	60
12.2	Ban kiểm soát	66
12.3	Ban Giám đốc.....	69
12.4	Kế toán trưởng	70
13.	Tài sản	70
13.1	Hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật	70
13.2	Hệ thống máy móc thiết bị	72
13.3	Tình hình sử dụng đất	72
14.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	75
14.1	Định hướng phát triển của Công ty	75
14.2	Kế hoạch sản xuất kinh doanh	75

14.3 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên	75
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	77
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	78
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết	78
V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	79
1. Loại cổ phiếu	79
2. Mệnh giá	79
3. Tổng số chứng khoán niêm yết	79
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết	79
5. Phương pháp tính giá	80
5.1 Tiêu chí lựa chọn công ty để so sánh	80
5.2 Công thức tính theo phương pháp P/E	80
5.3 Công thức tính theo phương pháp P/BV	81
5.4 Xác định $(P/BV)_{BQ}$ và $(P/E)_{BQ}$	81
5.5 Xác định giá cổ phiếu	81
5.6 Tổng hợp kết quả	82
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	82
7. Các loại thuế có liên quan	82
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	84
1. Tổ chức tư vấn	84
2. Tổ chức kiểm toán	84
VI. PHỤ LỤC LIÊN QUAN CỦA BẢN CÁO BẠCH	85

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Đối với bất cứ một quốc gia đã hoặc đang phát triển nào, vận chuyển, lưu thông hàng hóa luôn là huyết mạch của nền kinh tế, là cầu nối giao thương giữa các khu vực trong nước hay giữa khu vực trong nước và quốc tế. Một sự thay đổi nhỏ về sức khỏe nền kinh tế Việt Nam và thế giới sẽ tác động lớn tới nhu cầu thông thương hàng hoá, ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics, kho bãi, xếp dỡ, vận chuyển, giao nhận hàng hoá nói chung và Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái nói riêng.

Nền kinh tế Việt Nam đã chịu ảnh hưởng rõ nét và toàn diện kể từ khi tham gia sâu vào sân chơi kinh tế quốc tế, đặc biệt sau khi gia nhập WTO. Hiện nay với nguy cơ suy thoái kép của nền kinh tế thế giới bắt nguồn từ cuộc khủng hoảng tài chính diễn ra từ cuối năm 2007 và nợ công khu vực Châu Âu cùng tăng trưởng chậm của các nền kinh tế lớn trên toàn cầu trong thời gian gần đây đã làm cho hoạt động vận chuyển hàng hoá trên thế giới rơi vào tình trạng ảm đạm do nhu cầu thấp, Việt Nam cũng không là ngoại lệ, dẫn tới các doanh nghiệp trong ngành chịu ảnh hưởng xấu. Chỉ số BDI, chỉ số đo sức khỏe của hoạt động thương mại toàn cầu, đã liên tục sụt giảm trong thời gian gần đây và chưa có dấu hiệu cho thấy kinh tế thế giới sẽ hồi phục và phát triển bền vững. Như vậy, sau gần 5 năm kể từ cuộc khủng hoảng tài chính thế giới và sau hơn 2 năm kể từ khi cuộc khủng hoảng nợ công Châu Âu nổ ra đầu tiên tại Hy Lạp, kinh tế toàn cầu vẫn chưa hoàn toàn thoát khỏi bóng ma của cuộc khủng hoảng, hơn nữa, trong thời gian gần đây, vấn đề nợ công của các nước trong khu vực đồng tiền chung Châu Âu đã lan rộng và chưa đến hồi kết thúc.

Việt Nam trong nhiều năm với vị thế của nền kinh tế “mới nổi” đang là một tâm điểm thu hút đầu tư của Châu Á với mức đầu tư trực tiếp nước ngoài cao. Tuy nhiên từ khi khủng hoảng kinh tế 2007 đến nay do những khó khăn kinh tế tại nước sở tại, nguồn vốn này vơi dần và đích đến không nhằm vào các lĩnh vực sản xuất sử dụng nhiều lao động mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho Việt Nam như trước đây. Thêm vào đó, tốc độ phục hồi kinh tế chậm, nguy cơ suy thoái, khu vực tài chính nhiều bất ổn là đặc điểm chính của kinh tế thế giới trong 1-2 năm tới, điều này cũng góp phần làm giảm lưu lượng hàng hoá xuất nhập khẩu thông qua các cảng biển.

Năm 2013, chất lượng kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong năm 2013 đã được cải thiện khá nhiều so với năm 2012. Tăng trưởng GDP năm 2013 tăng 5,42% so với năm 2012. Đây là mức tăng trưởng GDP ở mức thấp trong thời gian gần đây. Năm 2013, mặc dù nhiều yếu tố kinh tế vĩ mô trong nước đã được cải thiện nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới trì trệ, các doanh nghiệp trong nước vẫn sẽ tiếp tục đối diện với nhiều khó khăn thách thức.

Theo Báo cáo của Chính phủ, tình hình kinh tế - xã hội những tháng đầu năm 2014 vẫn chưa thực sự thoát khỏi tình trạng trì trệ khi những khó khăn trong nền kinh tế chưa được giải quyết triệt để và những yếu kém nội tại của nền kinh tế vẫn chưa được khắc phục một cách kịp thời. Trong đó, lạm phát vẫn luôn có nguy cơ bùng phát và tiềm ẩn bất ổn kinh tế

vĩ mô vẫn còn lớn. Mặt bằng lãi suất cho vay có giảm nhưng doanh nghiệp còn khó tiếp cận. Nợ xấu tuy được kiểm soát nhưng vẫn còn cao. Tuy nhiên, cũng không thể phủ nhận một số kết quả tích cực mà Chính phủ đã đạt được trong công tác điều hành kinh tế vĩ mô đã tạo nền tảng cho sự phục tăng trưởng kinh tế năm 2014 so với năm 2013. Cụ thể, GDP 3 tháng đầu năm 2014 ước tính tăng 4,96% so với cùng kỳ năm 2013. Điều đáng mừng là CPI tháng 3/2014 đã giảm 0,44% so với tháng 2 và tính chung Quý 1/2014, chỉ số giá tiêu dùng đã chỉ tăng 0,8% so với cuối năm 2013. Bên cạnh đó, nhiều chỉ tiêu vĩ mô khác cũng cho chuyển biến tích cực, tỷ giá cơ bản ổn định, ... Trong 3 tháng đầu năm 2014, tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 33,3 tỷ USD, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước. Tổng kim ngạch nhập khẩu ước đạt 32,3 tỷ USD, tăng 12,4% so với cùng kỳ năm trước. Xuất siêu 3 tháng đầu năm 2014 đạt khoảng 1 tỷ USD, bằng 3% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Với những chuyển biến tích cực của kinh tế và sự sôi động của hoạt động ngoại thương sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cảng nói chung và Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái nói riêng.

2. Rủi ro về luật pháp

Việt Nam đang ở giai đoạn đầu của thời kỳ hội nhập kinh tế thế giới, hệ thống văn bản pháp quy chưa hoàn thiện, chưa đồng bộ và hòa nhập với hệ thống luật, cũng như thông lệ quốc tế. Là một đất nước đang phát triển, các thể chế, chính sách cũng như pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên thường có sự thay đổi. Chính sách và pháp luật có tác dụng định hướng phát triển chung cho nền kinh tế cũng như cho các doanh nghiệp. Do đó, mỗi thay đổi về mặt chính sách và pháp luật có thể tạo cơ hội hay rủi ro cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, do hoạt động kinh doanh kho bãi, dịch vụ logistics, xếp dỡ vận chuyển và làm thủ tục giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu, Công ty không chỉ chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật của nhà nước về lĩnh vực hàng hải, hải quan, điều hành vận tải đường bộ, đường thủy nội địa..., mà còn phải tuân thủ các Điều ước quốc tế, các thỏa ước của Hiệp hội vận chuyển, giao nhận hàng hóa quốc tế như FIATA,... Vì vậy, đây cũng là một trong những rủi ro tiềm tàng đối với hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái.

3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro do biến động mạnh về hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu vẫn chưa chính thức bước ra khỏi khủng hoảng, bên cạnh đó là những nguy cơ từ cuộc khủng hoảng nợ công Châu Âu kéo dài và lan toả cùng các bất ổn và xung đột chính trị gia tăng trong thời gian qua đã làm cho kinh tế thế giới trong giai đoạn này rất dễ bị tổn thương. Tất cả những yếu tố này đã tạo thành lực cản cho sự hồi phục của các nền kinh tế đầu tàu và ảnh hưởng tiêu cực đến sự lưu thông hàng hóa giữa các nước và hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam.

Doanh thu của hoạt động kinh doanh giao nhận, vận tải hàng hoá chịu tác động chi phối bởi sản lượng hàng hoá và giá cước dịch vụ, do đó hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam sẽ tác động lớn tới hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái. Tuy nhiên, khi nền

kinh tế thế giới và Việt Nam phục hồi thì cơ hội tăng trưởng doanh thu của Công ty cũng hết sức hấp dẫn.

✚ Rủi ro về biến động giá nhiên liệu, giá các thiết bị vật tư đầu tư hệ thống cảng

Xăng dầu là yếu tố đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như vận hành các thiết bị xếp dỡ - vận chuyển như hệ thống kho bãi, cầu bờ, xe cầu,... tuy chi phí nhiên liệu chiếm tỷ lệ không lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất (trên 4%) nhưng sự biến động giá dầu trong thời gian vừa qua và với chính sách điều chỉnh giá xăng dầu theo cơ chế thị trường của Việt Nam cũng sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty do giá nhiên liệu (xăng, dầu) phụ thuộc rất lớn vào tình hình thế giới. Hơn nữa, khi có sự biến động về giá xăng dầu sẽ có tác động lan tỏa đến hoạt động kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp trong nước, qua đó ảnh hưởng đến nhu cầu lưu thông hàng hóa của các doanh nghiệp và gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Đầu tư cơ sở hạ tầng cảng biển như: chi phí đầu tư cầu cảng, thiết bị xếp dỡ - vận chuyển như hệ thống kho bãi, thiết bị cầu nâng hạ,... thường có giá trị đầu tư rất lớn. Do đó, giá thiết bị, vật tư ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh, thời gian hoàn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng và hoạt động nâng cấp thiết bị nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty. Hoạt động đầu tư và nâng cấp hạ tầng cầu cảng đòi hỏi nguồn lực tài chính lớn và nằm trong tầm kiểm soát của Công ty. Tuy nhiên, việc quản lý các chi phí đầu tư là một thách thức khi có sự biến động về giá cả nguyên vật liệu và thiết bị do những tác động từ tình hình kinh tế thế giới và biến động về tỷ giá.

✚ Rủi ro về tỷ giá

Doanh thu cung cấp dịch vụ về cảng biển là doanh thu chủ yếu của Công ty và nguồn doanh thu này chịu ảnh hưởng khi có biến động về tỷ giá ngoại tệ. Bên cạnh đó, hầu hết các thiết bị, phương tiện sử dụng cho lĩnh vực cầu cảng là thiết bị chuyên dụng và được nhập khẩu từ nước ngoài nên sự biến động về tỷ giá sẽ không những ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty mà còn tác động đến hoạt động đầu tư nâng cấp thiết bị cũng như hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty.

Ngoài ra, hiện Công ty vẫn còn dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ với Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú. Khoản vay này Công ty vay để đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị cho dự án Đầu tư xây dựng Cảng Cát Lái. Tính đến thời điểm 31/12/2013, dư nợ của khoản vay này là 101.006.859.420 đồng (tương đương 4.791.596,75 USD), trong đó, vay dài hạn đến hạn trả là 37.522.400.000 đồng (tương đương 1.780.000 USD). Do đó, khi có bất kỳ sự biến động nào về tỷ giá ngoại tệ sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động và dòng tiền của Công ty. Tuy nhiên, với năng lực hoạt động hiện tại, Công ty có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn theo đúng tiến độ đã cam kết với Ngân hàng. Mặt khác, theo kế hoạch trả nợ, số dư nợ sẽ giảm dần theo từng năm và được thanh toán dứt điểm vào Quý 1/2016 nên rủi ro về biến động tỷ giá hối đoái đối với các khoản nợ có gốc ngoại tệ của Công ty trong những năm tới là không đáng lo ngại.

✚ *Rủi ro về lượng hàng tồn đọng tại cảng do chủ hàng từ chối nhận hàng*

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới chủ hàng từ chối nhận hàng như: hàng hóa không đảm bảo chất lượng, không đúng chủng loại mẫu mã, thời gian làm thủ tục dài, chi phí tăng cao... hoặc do những sai sót nhỏ hoặc bị cơ quan chức năng phát hiện hàng hóa có dấu hiệu vi phạm. Trong trường hợp này, các cảng giữ hàng có thể đối mặt rủi ro khi chi phí bán hàng tồn đọng chỉ bù đắp được một phần chi phí lưu bãi, nâng hạ, tiêu hủy hàng hóa quá hạn sử dụng, gây thiệt hại lớn cho cả cảng và hãng tàu.

Theo báo cáo của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, số lượng hàng tồn đọng cảng biển tăng nhanh tỷ lệ thuận với sản lượng hàng hóa thông qua cảng, trong 6 năm qua, cảng đã phải xử lý khoảng 682 container bao gồm 559 kiện hàng và 54 container lạnh vô chủ. Việc phải giải quyết tình trạng hàng tồn đọng do chủ hàng từ chối nhận hàng tại các cảng Khu vực Cảng Tân Cảng - Cát Lái cũng là một vấn đề ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty.

✚ *Rủi ro cạnh tranh*

Việt Nam gia nhập AFTA, WTO... cùng với xu hướng toàn cầu hóa thì cạnh tranh trong lĩnh vực ngành ngày càng gay gắt, đặc biệt trong lĩnh vực dịch vụ cảng biển khi phải tăng chất lượng dịch vụ nhưng phải giảm giá dịch vụ để cạnh tranh với các cảng biển khu vực và trong nước.

Đồng thời, Công ty sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt với các công ty kinh doanh dịch vụ logistics tầm cỡ thế giới, nhiều tập đoàn có bề dày hoạt động trên 100 năm, sẽ sớm được cấp phép và kinh doanh tại Việt Nam. Theo lộ trình là năm 2012 Việt Nam sẽ mở cửa cho lĩnh vực logistics, tuy nhiên các công ty này thực chất đã có mặt tại Việt Nam từ đầu thập niên 1990 trên danh nghĩa nhờ một công ty Việt Nam làm đại lý nhưng mọi hoạt động đều do phía nước ngoài quản lý. Các hợp đồng vận chuyển hoặc cung cấp dịch vụ chuỗi cung ứng tại Việt Nam của các công ty lớn như Nike, Adidas, Nortel, Carrefour... thường về tay các công ty logistics toàn cầu như Kuehne Nagel, Schenker, Panalpina, DHL... Các công ty Việt Nam khó chen chân phần vì chưa có tên tuổi trên thị trường logistics quốc tế, phần vì các cuộc đấu thầu hàng năm của các tập đoàn lớn thường diễn ra ở nước ngoài.

Các công ty Việt Nam có lợi thế sâu nhà dựa trên hệ thống cơ sở hạ tầng được phát triển trong nhiều năm, tuy nhiên sẽ phải rất lo lắng về chất lượng dịch vụ, loại hình dịch vụ, giá cả và các chiến lược marketing... của các công ty đa quốc gia đầy kinh nghiệm. Để nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái sẽ cần tăng cường đầu tư thêm cả về con người lẫn cơ sở vật chất, kho bãi, hệ thống trang thiết bị, phương tiện... Như vậy, kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái sẽ phải chịu áp lực rất lớn nếu không làm tốt được các vấn đề trên để khẳng định vị thế của mình trên thương trường quốc tế.

Hiện nay do hình thành các cảng nước sâu tại khu vực Bà Rịa – Vũng Tàu, sự chuyển dịch hoạt động vận tải biển sử dụng tàu lớn ra khỏi khu vực Thành phố Hồ Chí Minh tăng trên 30%/năm nên số lượng tàu ra vào cảng Cát Lái có giảm, điều này sẽ có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Nhìn chung, cung cầu của thị trường kho vận giao nhận thời gian qua là lượng cung

lớn hơn lượng cầu do sự phát triển tự phát của nhiều doanh nghiệp loại nhỏ. Do vậy, tính cạnh tranh rất gay gắt không chỉ về mật độ cung mà còn hàm chứa những cạnh tranh không lành mạnh.

Rủi ro về nhân sự của ngành

Yếu tố con người cũng là một trong những yếu tố tác động lớn tới hoạt động của các công ty trong ngành nói chung và Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái nói riêng. Cho tới nay logistics vẫn là một khái niệm khá mới mẻ tại Việt Nam, chưa có nhiều trường lớp, tổ chức đào tạo cơ bản và đòi hỏi lao động tác nghiệp phải thông thạo ngoại ngữ (chủ yếu là tiếng Anh). Một vấn đề lớn khác các công ty trong ngành gặp phải đó là khách hàng của Công ty thường tập trung vào một số đầu mối như sales, bộ phận kinh doanh,...nên khi các nhân viên này nghỉ việc Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc xây dựng lại quan hệ với khách hàng.

4. Rủi ro khác

Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, giá cổ phiếu sẽ biến động không chỉ phụ thuộc vào hoạt động kinh doanh nội tại mà còn chịu sự tác động từ biến động chung của thị trường. Trong thời gian qua, do ảnh hưởng tiêu cực từ kinh tế trong nước và những biện pháp điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ trong việc kiềm chế lạm phát, thị trường chứng khoán đã giảm sâu và giá của hầu hết các cổ phiếu trên thị trường đều giảm. Tuy nhiên, không thể phủ nhận trong giai đoạn sôi động, thị trường chứng khoán đã trở thành một kênh huy động vốn khá tốt cho doanh nghiệp. Việc niêm yết cổ phiếu cũng là một xu hướng tất yếu nhằm nâng cao giá trị các cổ đông thông qua việc tăng tính thanh khoản và nâng cao hoạt động quản trị do đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên, Công ty còn chịu các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Lê Tấn Hùng	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Quân	Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Ông Ngô Phạm Việt Tuấn	Chức vụ: Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Bà Vũ Thị Lan Anh	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Bà Trương Nguyễn Thiên Kim

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 02/2014/UQ-DAS, Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á ký ngày 24/02/2013)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh do Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Từ viết tắt	Giải nghĩa
Tổ chức niêm yết	Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái
Tổ chức tư vấn	Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Công ty	Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Công ty Dịch vụ công ích Thanh niên xung phong	Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích Thanh niên xung phong
Điều lệ	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái
Vốn điều lệ	Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi nhận vào điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái
Cổ phiếu	Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái
DAS	Tên viết tắt Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái
HĐQT	Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
BKS	Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái
UBCKNN	Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
BHXH	Bảo hiểm xã hội
Giấy CNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
BCTC	Báo cáo tài chính
TEU	Viết tắt của “Twenty-foot equivalent units” trong tiếng Anh, tức “đơn vị tương đương 20 foot”, là đơn vị đo của hàng hóa được container hóa tương đương với một container tiêu chuẩn 20 ft (dài) × 8 ft (rộng) × 8,5 ft (cao) (khoảng 39 m ³ thể tích)

Từ viết tắt	Giải nghĩa
DWT	Viết tắt của cụm từ tiếng Anh “ <i>deadweight tonnage</i> ”, là đơn vị đo năng lực vận tải an toàn của tàu thủy tính bằng tấn.
VPA	Viết tắt của “ <i>Vietnam Seaport Association</i> ”: Hiệp hội Cảng biển Việt Nam
ICD	Viết tắt của cụm từ tiếng Anh “ <i>Inland Clearance Depot</i> ”, nghĩa là “ <i>cảng cạn</i> ”, nơi tập kết, trung chuyển container có đầy đủ chức năng như một cảng thông thường (cơ quan hải quan...)
BDI	Viết tắt của “ <i>Baltic Dry Index</i> ”, tạm dịch là “ <i>Chỉ số thuê tàu hàng khô Baltic</i> ” là một chỉ số do Sở giao dịch Baltic (Baltic Exchange) trụ sở tại Luân Đôn công bố hằng ngày để đánh giá mức phí thuê tàu chở những mặt hàng nguyên liệu thô như: quặng sắt, than, xi măng, ngũ cốc... chở xô trên phạm vi toàn cầu
Cont	Container
DVP	CTCP Đầu tư & Phát triển Cảng Đình Vũ
SFI	CTCP Đại lý vận tải SAFI
STG	CTCP Kho vận Miền Nam
TMS	CTCP Transimex Sài Gòn
TCL	CTCP Đại lý giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**
- Tên Tiếng Anh : CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : CAT LAI PORT JSC
- Trụ sở chính : Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, TP.HCM
- Điện thoại : (08) 374 23499 – (08) 374 23501
- Fax : (08) 374 23500
- Email : catlaiport@catlaiportjsc.com
- Website : www.catlaiport.com.vn
- Giấy CNĐKDN: số 0305168938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27/08/2007 và thay đổi lần thứ tư ngày 23/07/2013.
- Vốn điều lệ : 240.000.000.000 đồng

1.2 Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái được thành lập vào ngày 27/08/2007 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007643 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp với vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 150.000.000.000 đồng. Các cổ đông sáng lập chính là Công ty Đầu tư và Xây dựng Thanh niên xung phong (CINCO), nay là Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Thanh niên xung phong (hiện nay đang nắm giữ 24,4% vốn điều lệ) và Công ty Tân Cảng Sài Gòn, nay là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (hiện nay đang nắm giữ 20,9% vốn điều lệ).

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái được thành lập để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và khai thác cầu cảng chuyên dụng xếp dỡ hàng container của Cảng Cát Lái tại phường Cát Lái quận 2, TP. Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận đầu tư số 41121000087 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 09 tháng 06 năm 2008. Cảng Cát Lái xây dựng trên khu đất 6,2ha và mặt nước tiếp giáp khu đất phía bờ sông Đồng Nai thuộc phạm vi khu nước cầu tàu Vitaco cũ đã di dời thành cảng liên hoàn với khu cảng container hiện hữu Tân Cảng Cát Lái của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn theo đúng định hướng quy hoạch cảng của Chính phủ và TP. Hồ Chí Minh.

Một số điểm nổi bật đánh dấu quá trình hình thành và phát triển của Công ty:

- ✚ **Từ tháng 09/2007 đến hết tháng 12/2008:** Công ty đã tiến hành các thủ tục xin giấy chứng nhận đầu tư và chính thức được UBND TP. HCM cấp Giấy chứng nhận đầu tư

số 41121000087 ngày 09/06/2008 để thực hiện đầu tư xây dựng từ khu đất, cầu cảng chuyên dụng của Công ty Vitaco cũ với quy mô 216 mét cầu cảng container chuyên dụng có khả năng tiếp nhận tàu 3 vạn tấn sức chở 2.500 TEU có thể cập cảng và 6,2ha bãi hàng container cùng với các thiết bị xếp dỡ phục vụ cho hoạt động khai thác cảng biển bao gồm: cầu khung Mijack, cầu bờ K.E.

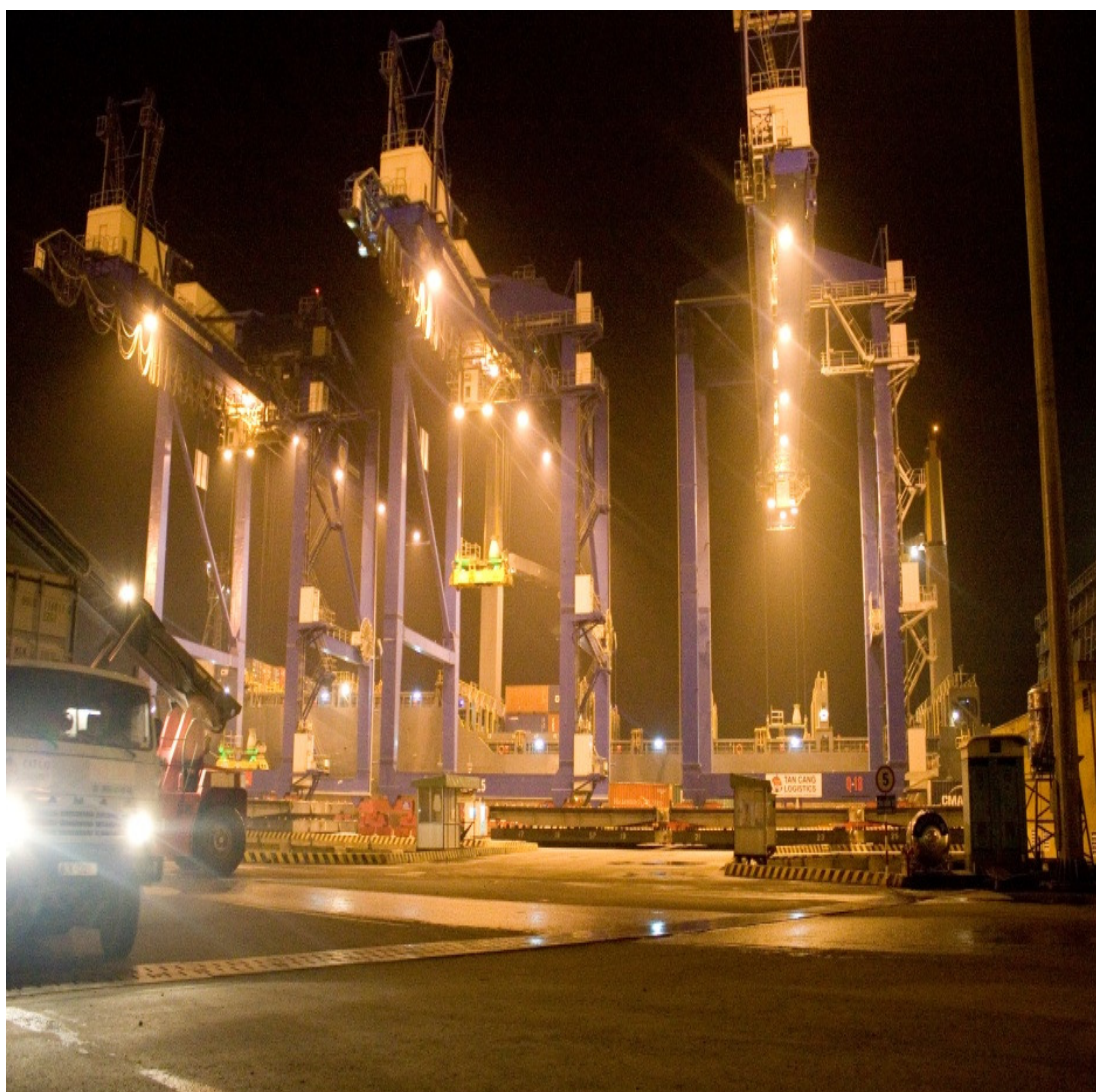
- ✚ **Ngày 30/05/2008:** Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng.
- ✚ **Ngày 07/01/2009:** Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-CHHVN ngày 07/01/2009 về việc đưa cầu cảng số 7 của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái vào khai thác sử dụng, Cục Hàng hải Việt Nam đã cấp giấy phép chính thức đưa hệ thống cầu cảng của Công ty đi vào hoạt động. Sau hơn hai năm đưa vào hoạt động cầu tàu số 7 (B7) với quy mô 216 mét cầu cảng container chuyên dụng, Công ty đã khai thác 100% công suất thiết kế với tổng lượng hàng container bình quân thông qua cảng là 400.000 TEU/năm.
- ✚ **Tháng 12/2009:** Công ty hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng đầu tư khai thác bến tàu 2.200 DWT (bến sà lan B7). Hệ thống bến tàu này đã chính thức đi vào hoạt động từ năm 2009 và chủ yếu khai thác dịch vụ trung chuyển nội thủy.
- ✚ **Tháng 08/2011:** Công ty chào bán cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 240.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng số 85/GCN-UBCK ngày 18/08/2011. Công ty đã hoàn thành đợt chào bán và báo cáo UBCKNN vào ngày 10/11/2011.
- ✚ **Năm 2011:** Công ty đầu tư tiếp 01 cầu bờ container dạng khung chạy trên ray tạo thành hệ thống thiết bị cầu bờ hiện đại, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu xếp dỡ xuất nhập tàu tại cầu tàu số 7 ngày càng tăng, nâng cao hiệu quả sử dụng cầu đồng thời nâng cao hiệu quả hệ số sử dụng cầu tàu (về khả năng tiếp nhận tàu và giải phóng tàu nhanh).
- ✚ **Năm 2012:** Nhằm đáp ứng nhu cầu xếp dỡ container tại bãi hàng, tháng 09/2012 Công ty đưa vào khai thác 2 cầu Kalmar 6+1 hiện đại, sản lượng khai thác bình quân hiện nay trên 15.000 container/tháng.
- ✚ **Tháng 3/2013:** Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng quy mô lớn.
- ✚ **Tháng 04/2013:** Trên cơ sở tận dụng các nguồn lợi thế sẵn có và đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa trong nước và quốc tế, Công ty đã đầu tư khai thác 30 xe đầu kéo; từ khi đi vào hoạt động đến nay, hoạt động vận tải của Công ty không ngừng phát triển cả về chất và lượng; doanh thu bình quân hiện nay trên 150 triệu đồng/xe/tháng.
- ✚ **Năm 2014:** Nhằm tận dụng tối đa các nguồn vốn đầu tư, nâng cao lợi nhuận cho các cổ đông, đầu năm 2014 Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng – Long Bình và Công ty TNHH DVBV Thanh niên Xung phong.

Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái không ngừng phát triển lớn mạnh. Giai đoạn từ khi thành lập đến cuối năm 2008, Công ty triển khai đầu tư xây dựng toàn diện hệ thống cầu cảng, bến bãi, máy móc thiết bị hiện đại và đồng thời tuyển

dụng, đào tạo CBCNV, hoàn thiện bộ máy tổ chức, chuẩn bị nguồn lực cho chiến lược phát triển lâu dài. Đầu năm 2009 Công ty chính thức đưa dự án 216 mét cầu cảng B7 vào khai thác đầu năm 2009, hiệu quả hoạt động về doanh thu và lợi nhuận của Công ty không ngừng nâng cao.

Hiện nay với quy mô 216 mét cầu cảng container chuyên dụng (cầu cảng B7) có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng toàn phần 30.000 DWT (tấn) tương đương với sức chở 2.500 TEU cập cảng làm hàng, bến tàu B7 80 mét tiếp nhận tàu có tải trọng 2.200 DWT cùng với các thiết bị xếp dỡ phục vụ cho hoạt động khai thác cảng biển hiện đại bao gồm: 02 cầu bờ K.E, 01 cầu bờ Kcoks, 01 cầu bờ Libherr, 02 cầu khung Kalmar 6+1 và 30 xe đầu kéo hoạt động liên tục 24/24 giờ mỗi ngày có thể đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng. Với hệ thống cầu cảng và trang thiết bị hiện đại, sản lượng xếp dỡ trung bình đạt trên 40.500 cont/tháng bao gồm container hàng và container rỗng.

Với chiến lược phát triển lâu dài, Công ty không ngừng đào tạo phát triển nguồn nhân lực, tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng sức cạnh tranh trước yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái cam kết luôn mang đến cho khách hàng những giá trị tốt nhất trên con đường phát triển của mình.



Hình ảnh hoạt động của Cảng Cát Lái vào ca đêm

1.3 Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm, dịch vụ của Công ty

Căn cứ Giấy CNĐKDN số 0305168938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27/08/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 23/07/2013, Công ty được phép kinh doanh các lĩnh vực sau:

- Dịch vụ đại lý tàu biển.
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.
- Dịch vụ môi giới hàng hải.
- Dịch vụ cung ứng tàu biển.
- Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa.
- Dịch vụ lai dắt tàu biển.
- Dịch vụ vệ sinh tàu biển.
- Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ logistics.
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển tại cảng. Sửa chữa container, moóc kéo chuyên dùng.
- Dịch vụ bốc dỡ hàng hóa tại cảng biển.
- Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế. Vận tải hàng hóa ven biển hoặc viễn dương, theo lịch trình hoặc không theo lịch trình. Vận tải bằng tàu kéo, tàu đẩy
- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh. Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác.
- Dịch vụ đóng mới moóc kéo chuyên dùng; đóng mới container (không hoạt động tại trụ sở).
- Mua bán, cho thuê tàu, container và các thiết bị vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô. Vận tải hàng hóa đường sông, hồ, kênh, rạch bằng phương tiện cơ giới và thô sơ.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, xe siêu trường siêu trọng.
- Sửa chữa bảo dưỡng phương tiện vận chuyển, thiết bị xếp dỡ (không gia công cơ khí, xi mạ điện tại trụ sở).
- Vận tải hành khách bằng taxi, kể cả hoạt động của taxi sân bay.
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương, theo lịch trình hoặc không theo lịch trình.
- Hoạt động của tàu thuyền du lịch hoặc thăm quan; Hoạt động của phà, tàu, xuồng taxi.
- Vận tải hành khách đường sông, hồ, kênh, rạch bằng phương tiện cơ giới và thô sơ.

1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Kể từ khi thành lập ngày 28/07/2007 đến nay, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái đã trải qua các đợt thay đổi vốn điều lệ như sau:

Đơn vị tính: đồng

Thời gian	Vốn điều lệ trước phát hành	Vốn phát hành	Vốn điều lệ sau phát hành	Phương thức phát hành
27/8/2007– 13/12/2007	-	150.000.000.000	150.000.000.000 ¹	Góp vốn thành lập Công ty.
13/12/2007 – 10/03/2011	150.000.000.000	-	149.973.470.000	Thực hiện giảm vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường lấy ý kiến bằng văn bản ngày 25/02/2011. Sở KH & ĐT TP.HCM cấp đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 10/03/2011.
08/08/2011 – 09/11/2011	149.973.470.000	90.026.530.000	240.000.000.000	Phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược, CBCNV Công ty theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 85/GCN – UBCK ngày 18/08/2011 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Đợt 1: Góp vốn thành lập Công ty

Căn cứ vào Biên bản họp cổ đông sáng lập và Điều lệ thành lập Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái thông qua ngày 11/08/2007 và Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT của HĐQT ngày 21/09/2007 về việc góp vốn thành lập Công ty, vốn điều lệ và việc góp vốn của cổ đông được xác định như sau:

- Vốn điều lệ: **150.000.000.000 đồng**.
- Vốn góp của cổ đông sáng lập: **90.000.000.000 đồng** (tương đương 90% vốn điều lệ), cụ thể:

STT	Cổ đông sáng lập	Số vốn góp (đồng)	Tỷ lệ
1	Công ty cổ phần Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng (TCL)	7.500.000.000	5%
2	Công ty Dịch vụ công ích thanh niên xung phong	39.000.000.000	26%
3	Công ty Tân Cảng Sài Gòn	30.000.000.000	20%

¹ Vốn điều lệ do các cổ đông thực góp chỉ có 149.973.470.000 đồng

STT	Cổ đông sáng lập	Số vốn góp (đồng)	Tỷ lệ
4	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đại Phát	7.500.000.000	5%
5	Công ty vận tải Biển Đông	6.000.000.000	4%
	Tổng	90.000.000.000	60%

Nguồn: Công ty cổ phần Cảng Cát Lái

- Vốn góp của các cổ đông khác là CBCNV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn và các đối tác (736 cổ đông): **60.000.000.000 đồng**.

Tuy nhiên, số vốn thực góp đến ngày 13/12/2007 là **149.973.470.000 đồng**, thấp hơn mức vốn điều lệ đã đăng ký ban đầu.

Đợt 2: Điều chỉnh giảm vốn điều lệ

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD ngày 25/02/2011, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua thực hiện điều chỉnh giảm vốn và thay đổi đăng ký kinh doanh đảm bảo vốn điều lệ bằng với số cổ phần đã phát hành theo quy định tại khoản 8 Điều 23 Nghị định 102/2010/NĐ - CP ngày 01/10/2010 của Chính Phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp. Căn cứ giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 ngày 10/03/2011, vốn điều lệ của Công ty đã được điều chỉnh bằng với mức vốn điều lệ thực góp của các cổ đông là 149.973.470.000 đồng.

Đợt 3: Phát hành tăng vốn lên 240 tỷ đồng

Công ty đã thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng và chào bán riêng lẻ cho cổ đông chiến lược, CBCNV để tăng vốn từ 149.973.470.000 lên 240.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 85/GCN-UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 18/08/2011. Phương thức phát hành cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phiếu phát hành: **9.002.653 cổ phần**
- Tổng giá trị chào bán: **90.026.530.000 đồng** (theo mệnh giá)
- Đối tượng và phương thức phát hành
 - Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:**
 - + Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu ra công chúng
 - + Số lượng phát hành: 7.498.674 cổ phần
 - + Giá cổ phần : 11.500 đồng/cổ phần
 - + Tỷ lệ thực hiện quyền: 2 : 1
 - + Số lượng cổ đông tại thời điểm phát hành: 729 cổ đông.
 - Phát hành cho nhà đầu tư chiến lược:**
 - + Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ
 - + Số lượng phát hành : 1.050.000 cổ phần

- + Giá phát hành: 13.000 đồng/cổ phần
- + Số lượng nhà đầu tư chiến lược: 02 nhà đầu tư.
- + Điều kiện hạn chế chuyển nhượng: Cổ phần bán cho cổ đông chiến lược hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

▪ **Phát hành cho CBCNV:**

- + Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ
- + Số lượng phát hành: 453.979 cổ phần
- + Giá phát hành: 13.000 đồng/cổ phần
- + Số lượng CBCNV được mua cổ phần: 47 người

d. Số lượng cổ đông đăng ký mua cổ phần: 609 cổ đông

e. Tổng số tiền thu được sau đợt phát hành: 105.786.478.000 đồng, cụ thể:

Đối tượng mua cổ phiếu	Giá (đồng/cp)	Số cổ phiếu chào bán	Số lượng cổ phiếu đăng ký mua	Số người đăng ký mua	Tỷ lệ phân phối cổ phiếu
1	2	3	4	5	6
<u>Đối tượng I: Phát hành cho cổ đông hiện hữu</u>					
1. Người lao động trong DN	11.500	279.481	279.481	7	100%
2. Cổ đông hiện tại	11.500	6.146.147	6.146.147	529	100%
3. Người đầu tư ngoài DN	11.500	1.073.046	1.073.046	13	100%
4. Người nước ngoài	-	-	-	-	-
Tổng (I)		7.498.674	7.498.674	556	100%
<u>Đối tượng II: Phát hành cho CBCNV Công ty</u>					
1. Người lao động trong DN	13.000	239.450	239.450	47	100%
2. Cổ đông hiện tại	13.000	77.500	77.500	4	100%
3. Người đầu tư ngoài DN (*)	13.000	137.029	137.029	7	100%
4. Người nước ngoài		-	-	-	-
Tổng (II)		453.979	453.979	58	100%
<u>Đối tượng III: Phát hành cho nhà đầu tư chiến lược</u>					
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	13.000	514.700	514.700	1	100%
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Lê Hà	13.000	535.300	535.300	1	100%

Đối tượng mua cổ phiếu	Giá (đồng/cp)	Số cổ phiếu chào bán	Số lượng cổ phiếu đăng ký mua	Số người đăng ký mua	Tỷ lệ phân phối cổ phiếu
1	2	3	4	5	6
Tổng (III)		1.050.000	1.050.000	2	100%
Tổng (I+II+ III)		9.002.653	9.002.653	609	100%

Nguồn: Công ty cổ phần Cảng Cát Lái

Ghi chú:

(*) Hội đồng quản trị phân phối cổ phần CBCNV không mua hết cho cổ đông ngoài doanh nghiệp theo NQ số 03/NQ- ĐHCĐ 2011 của Đại hội cổ đông thường niên 2010 ngày 10/06/2011 và Nghị quyết số 07/NQ – HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 26/10/2011.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái được tổ chức và hoạt động theo các văn bản chính sau:

- Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 26 tháng 6 năm 2006 và Luật chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái ban hành lần đầu ngày 11 tháng 08 năm 2007, được chỉnh sửa bổ sung theo quy định lần gần nhất vào ngày 12 tháng 06 năm 2013 (chỉnh sửa trên cơ sở tham chiếu Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 121/2012/TT – BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng).
- Quy chế quản trị nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 14/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 05 năm 2013 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái.
- Và các quy định có liên quan đến các ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng Quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Giám đốc
- Các Phòng/Ban/Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

3.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. ĐHCĐ thường niên phải họp trong thời hạn

bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật. ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- Thông qua mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT, BKS;
- Thông qua việc bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Thông qua loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- Thông qua việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty hoặc tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty đồng thời chỉ định người thanh lý;
- Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Thông qua việc Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- Việc Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Các nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

Theo quy định, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty được tổ chức trong thời hạn 4 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo Khoản 1 Điều 13 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Tuy nhiên năm 2011, năm 2012 và năm 2013 xét thấy công tác chuẩn bị Đại hội chưa hoàn tất, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trình Đại hội thông qua cần có sự điều chỉnh do có sự biến động lớn của nền kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ cũng như tái cơ cấu nền kinh tế, nên theo quy định, Công ty có làm các thủ tục xin phép gia hạn thời gian họp Đại hội cổ đông thường niên sau tháng 4 hàng năm. Đại hội cổ đông thường niên 2011 tổ chức vào ngày 10/06/2011, Đại hội cổ đông thường niên 2012 tổ chức vào ngày 08/06/2012 và Đại hội cổ đông thường niên 2013 tổ chức vào ngày 12/06/2013.

3.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái.

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực

hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị Công ty bao gồm có 5 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm. HĐQT có các nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm đồng thời xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 2% giá trị Tổng tài sản (tính tại thời điểm lập BCTC năm gần nhất) hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành, tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại và đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi HĐQT cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty không được trái với các nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị Công ty. Quy chế nội bộ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty;
- Các nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

3.3 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty đồng thời chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát bao gồm có 3 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm trong đó 01 Trưởng ban, 02 ủy viên. Ban kiểm soát có các nghĩa vụ sau:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán, thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT và ĐHĐCĐ;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
- Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;
- Các nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

3.4 Ban Giám đốc

Ban Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, thực hiện những chiến lược và kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

Hiện Ban giám đốc bao gồm 3 thành viên: 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

Giám đốc thực hiện các kế hoạch, các nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua. Giám đốc chịu sự giám sát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc là người đại diện trước pháp luật của Công ty.

Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về sự phân công trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn; chủ động giải quyết các công việc được Giám đốc ủy quyền và phân công theo quy định của Điều lệ công ty, Quy chế quản lý nội bộ Công ty.

3.5 Các phòng ban trong Công ty

Các phòng ban thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc được hiệu quả và đúng pháp luật. Các phòng ban của Công ty bao gồm:

a. Phòng Tổ chức Lao động và Hành chính

Phòng Tổ chức Lao động và Hành chính là phòng chuyên môn nghiệp vụ hỗ trợ Ban Giám đốc Công ty trong lĩnh vực:

- Quy hoạch tổ chức bộ máy quản lý của Công ty;
- Tuyển dụng lao động;
- Quản trị nhân sự lao động tiền lương;
- Quản trị hành chính;
- Thực hiện công tác bảo hộ an toàn lao động và phòng chống cháy nổ;
- Thực hiện công tác văn thư, hành chính văn phòng;
- Theo dõi, quản lý cổ đông;
- Thực hiện công việc tư vấn pháp lý đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; dự báo các chính sách pháp luật có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Các công việc, nhiệm vụ khác được Giám đốc giao.

b. Phòng Tài chính – Kế hoạch kinh doanh

Là phòng chuyên môn nghiệp vụ, tham mưu cho Ban Giám đốc toàn bộ tình hình hoạt động tài chính của Công ty và thực hiện tác nghiệp trong lĩnh vực tài chính kế toán. Phòng Tài chính – Kế hoạch kinh doanh thực hiện các nhiệm vụ:

- Quản lý giám sát chặt chẽ các nguồn vốn, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả mọi hoạt động tài chính một cách khách quan, trung thực, đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch đáp ứng yêu cầu tổ chức, quản lý điều hành của Công ty;
- Lập kế hoạch tài chính hàng năm trình Giám đốc thông qua;
- Tổ chức thực hiện công tác kế toán – tài chính theo đúng quy định;
- Phân tích đánh giá hiệu quả về công tác tài chính trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc về việc kiểm soát hiệu quả các hoạt động kế toán tài chính đáp ứng kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

c. Phòng Đầu tư và Quản lý Công trình:

Là phòng chuyên môn nghiệp vụ, tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc trong công tác đầu tư, quản lý công trình, thi công xây dựng và kinh doanh bất động sản.

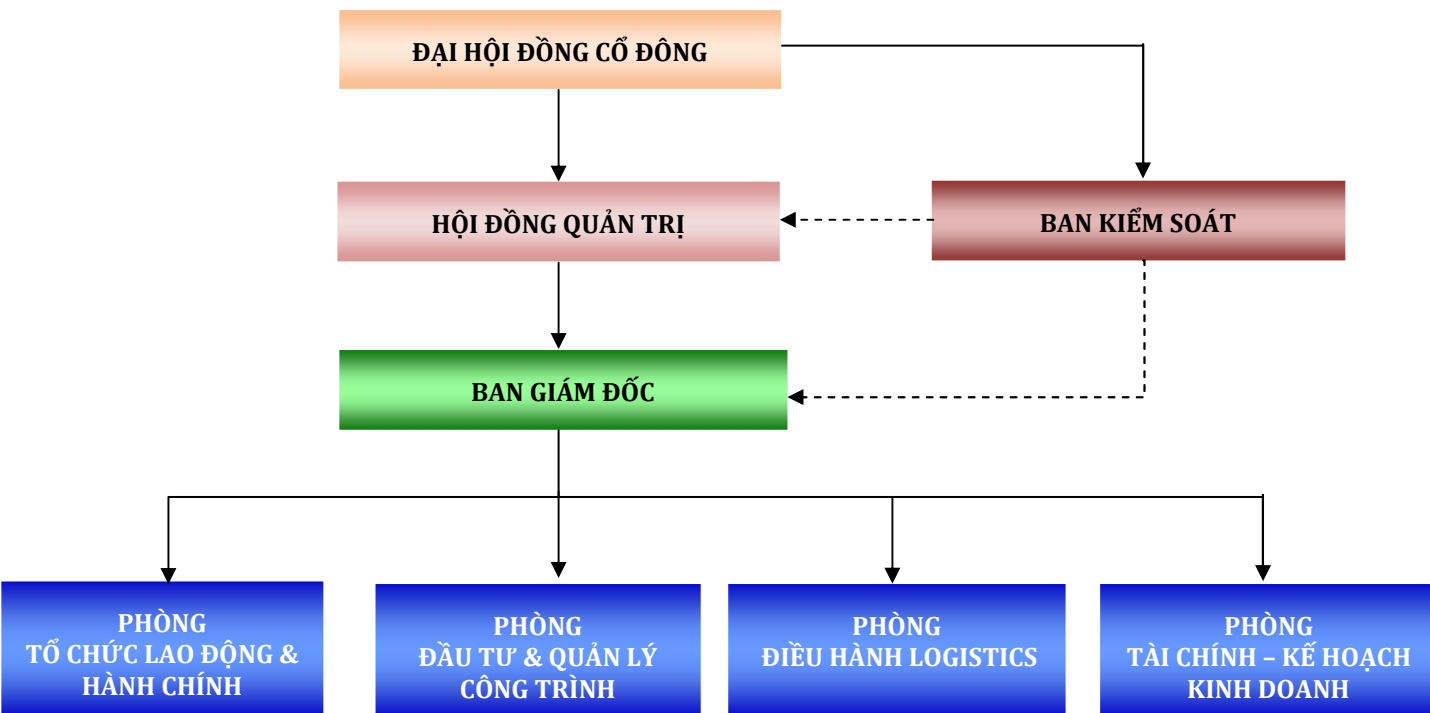
d. Phòng Điều hành Logistics:

Là phòng chuyên môn nghiệp vụ, tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc trong công tác quản lý điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lĩnh vực logistics, cụ thể như sau:

- Lập kế hoạch duy tu bảo dưỡng, sửa chữa và kiểm tra kỹ thuật các phương tiện và thiết bị khai thác do Phòng quản lý;

- Quản lý chặt chẽ, khai thác có hiệu quả các lực lượng lao động, các trang thiết bị kỹ thuật;
- Tổ chức thực hiện các hoạt động xếp dỡ, vận chuyển hàng hóa bằng các phương tiện thiết bị hiện đại, theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ Công ty, danh sách cổ đông sáng lập, danh sách cổ đông hạn chế chuyển nhượng và cơ cấu cổ đông

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ

Tính đến thời điểm 22/04/2014, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Cảng Cát Lái như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số Giấy CNĐKDN	Địa chỉ	Cổ phần nắm giữ	
				Số cổ phần	Tỷ lệ/VĐL (%)
1	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh Niên Xung Phong	0300691622	19 Yersin, P.Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP.HCM	5.850.000	24,38
2	Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	0300514849	722 Điện Biên Phủ, P.22, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	5.014.700	20,89
	Tổng			10.864.700	45,27

Nguồn: Công ty cổ phần Cảng Cát Lái

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Theo Giấy CNĐKDN số 0305168938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27/08/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 23/07/2013, danh sách cổ đông sáng lập của Cảng Cát Lái bao gồm:

TT	Cổ đông	Tại thời điểm thành lập			Tại thời điểm 22/04/2014		
		Số cổ phần	Giá trị cổ phần (1000 đồng)	Tỷ lệ ² (%)	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (1000 đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong	3.900.000	39.000.000	36	5.850.000	58.500.000	24,38
2	Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	3.000.000	30.000.000	20	5.014.700	50.147.000	20,89
3	Công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Đông	600.000	6.000.000	4	900.000	9.000.000	3,37
4	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đại Phát	750.000	7.500.000	5	-	-	-
5	Công ty CP Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Xếp Dỡ Tân Cảng	750.000	7.500.000	5	1.125.000	11.250.000	4,69
Tổng cộng:		9.000.000	90.000.000	60	12.889.700	128.897.000	53,33

Nguồn: Công ty cổ phần Cảng Cát Lái

Công ty cổ phần Cảng Cát Lái chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 27/08/2007 nên căn cứ vào quy định tại Điều 84 Khoản 5 Luật Doanh nghiệp 2005: “Trong vòng ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông...” và thời hạn hiệu lực của việc hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập theo danh sách trên là đến ngày 27/08/2010. Như vậy, đến thời điểm hiện nay mọi hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập không còn hiệu lực.

4.3 Danh sách cổ đông chiến lược hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm

Năm 2011, Công ty thực hiện phát hành 9.002.563 cổ phần để tăng vốn điều lệ lên 240 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 85/GCN-UBCK

² Tính trên vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 150.000.000.000 đồng.

ngày 18/08/2011 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Trong đó, Công ty phát hành 1.050.000 cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược. Theo quy định, các nhà đầu tư chiến lược đã mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái trong đợt phát hành này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng từ ngày 10/11/2011 đến ngày 09/11/2012, bao gồm:

Stt	Tên cổ đông	Giấy CNDKDN	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	300514849	722 Điện Biên Phủ, P.22, Q. BT, TP.HCM	514.700	2,14
2	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Lê Hà	4102055864	80/3 Bà Huyện Thanh Quan, P.9, Quận 3, TP.HCM	535.300	2,23
	Tổng			1.050.000	4,37

Nguồn: Công ty cổ phần Cảng Cát Lái

Tính đến thời điểm nộp hồ sơ niêm yết, hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần của nhà đầu tư chiến lược đã hết hiệu lực.

4.4 Cơ cấu cổ đông

Tính đến thời điểm 22/04/2014, cơ cấu vốn điều lệ của Cảng Cát Lái như sau:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tổng mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông nhà nước	03	11.764.700	117.647.000.000	49,02
2	Cổ đông trong nước	772	12.235.300	122.353.000.000	50,98
2.1	Cổ đông tổ chức	3	2.485.300	24.853.000.000	10,36
2.2	Cổ đông cá nhân	769	9.750.000	97.500.000.000	40,62
3	Cổ đông ngoài nước	0	0	0	0
	Tổng cộng	775	24.000.000	240.000.000.000	100

Nguồn: Công ty cổ phần Cát Lái

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

5.1. Công ty con:

Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Thanh Niên Xung Phong

- Vốn điều lệ: 8.200.000.000 đồng.
- Tỷ lệ nắm giữ trên vốn điều lệ: 51,2% (Quý 2/2014).
- Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ Bảo vệ

5.2. Công ty mẹ: Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản phẩm và dịch vụ chính

Hoạt động cung ứng dịch vụ cảng biển

Đây là hoạt động dịch vụ chủ yếu của Cảng Cát Lái. Với hệ thống cầu cảng B7 và thiết bị xếp dỡ tại hiện đại, gồm 03 dàn cầu bờ K.E 15, KE 16, Kocks 19 có sức nâng trên 40 tấn và hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư mới, hiện đại (bao gồm hệ thống chiếu sáng, máy phát điện, hệ thống kê bảo vệ cầu tàu...), Công ty bảo đảm đủ năng lực cung ứng các dịch vụ cảng biển cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn thực hiện các hoạt động xuất nhập tàu thông qua cầu cảng của Công ty.

Sản lượng hàng hóa xuất nhập khẩu thông qua Cảng Cát Lái (bao gồm của Công ty và Hệ thống cảng của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn) ngày càng tăng (năm 2009: đạt 2,3 triệu TEUs; năm 2010 đạt: 2,55 triệu TEUs; năm 2011: đạt 2,6 triệu TEUs; năm 2012: đạt 2,87 triệu TEUs, năm 2013 lần đầu tiên đạt mức kỷ lục 3,2 triệu TEUs). Hiện nay cảng Cát Lái là cảng hàng hóa lớn và hiện đại nhất Việt Nam, chiếm trên 80% thị phần sản lượng container xuất nhập khẩu thông qua các cảng tại khu vực TPHCM; đứng trong Top 34 cảng container hiện đại có sản lượng thông qua lớn nhất trên thế giới. Cảng Cát Lái là cảng có chất lượng dịch vụ hàng đầu và tiếp tục dẫn đầu cả nước về sản lượng container xuất nhập khẩu thông qua.

Hoạt động dịch vụ xếp dỡ

a. Dịch vụ xếp dỡ tại bãi container

Công ty tổ chức thực hiện dịch vụ xếp dỡ cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn và Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng bao gồm các nghiệp vụ: nâng/hạ container xuất nhập tàu, nâng hạ trực tiếp cho khách hàng bằng sà lan và bằng đường bộ, nâng/hạ phục vụ chuyển cảng, bằng sà lan và bằng đường bộ; nâng hạ hàng nhập, chuyển kiểm hóa hải quan, rút hàng, chuyển dán tem; nâng hạ hàng xuất, chuyển từ bãi đóng hàng sang khu chờ xuất, hàng tạm nhập tái xuất, container hàng chuyển bãi nội bộ (sử dụng xe trung chuyển); nâng hạ container rỗng chuyển đóng hàng, sau rút hàng, chuyển bãi nội bộ; nâng hạ phục vụ dời dọn bãi, đảo chuyển, quay đầu container. Các nghiệp vụ xếp dỡ trên được thực hiện bằng các phương tiện thiết bị Công ty đã đầu tư gồm: thiết bị xếp dỡ trên bãi hàng là 04 cầu RTG 3 + 1. Từ khi khai thác và hoạt động, sản lượng xếp dỡ thông qua bãi container bằng các thiết bị xếp dỡ Công ty đầu tư lần lượt năm 2009 là 105.000 TEUs, năm 2010 là 110.000 TEUs, năm 2011 là 115.366 TEUs. Năm 2012 sau khi Công ty đầu tư đưa vào hoạt động khai thác 02 cầu Kalmar 6+1 hiện đại trong tháng 10/2012, sản lượng xếp dỡ tăng đáng kể cả về chất và lượng, bình quân đạt trên 20.000 TEUs/tháng. Trong năm 2013, sản lượng xếp dỡ của đạt bình quân 22.000 TEUs/tháng.



Cầu Kamar 6+1 làm hàng tại bãi container

b. Dịch vụ xếp dỡ tại bến sà lan B7

Trên cơ sở hợp tác với Công ty Cổ phần Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng, Công ty tổ chức thực hiện dịch vụ xếp dỡ tại bến sà lan B7 bên cạnh cầu cảng của Công ty đảm nhiệm nghiệp vụ nâng/hạ container xuất nhập sà lan, nâng hạ container trực tiếp cho khách hàng; nâng hạ container từ sà lan lên xe và ngược lại tại cầu tàu B7; nâng hạ container chuyển rỗng đóng hàng, sau rút hàng, đáp ứng nhu cầu vận chuyển container bằng đường thủy, kết nối với hệ thống các cảng của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (vận chuyển bằng đường thủy từ Cảng Cát Lái đến các Cảng Tân Cảng Cái Mép, Cảng Tân Cảng, Cảng Tân Cảng – Miền Trung,...), giảm áp lực hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ.

Mặc dù mới hoạt động trong tháng 04/2010 nhưng sản lượng thông qua bến sà lan bằng thiết bị xếp dỡ cầu Liebherr không ngừng tăng cao cụ thể: 9 tháng cuối năm 2010 đạt 35.000 TEUs, năm 2011 đạt 87.455 TEUs, năm 2012 đạt 91.611 TEUs và năm 2013 đạt mức 105.502 TEUs.

6.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

📊 Cơ cấu doanh thu

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là các hoạt động cung ứng dịch vụ cảng biển tại cầu tàu, dịch vụ xếp dỡ container tại bãi, hoạt động xếp dỡ bến sà lan và hoạt động thu tiền điện tại cảng.

Cơ cấu doanh thu của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		3 tháng đầu năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Cung ứng dịch vụ cảng biển	143.054	85%	148.000	74.5%	37.000	71.1%
Bốc xếp	12.836	7,5%	24.859	12.5%	5.862	11.3%
Tiền điện tại cảng	8.434	5%	8.320	4.2%	1.744	3.4%
Dịch vụ vận tải	4.241	2,5%	17.372	8.8%	7.405	14.2%
Cộng	168.565	100%	198.551	100%	52.011	100%

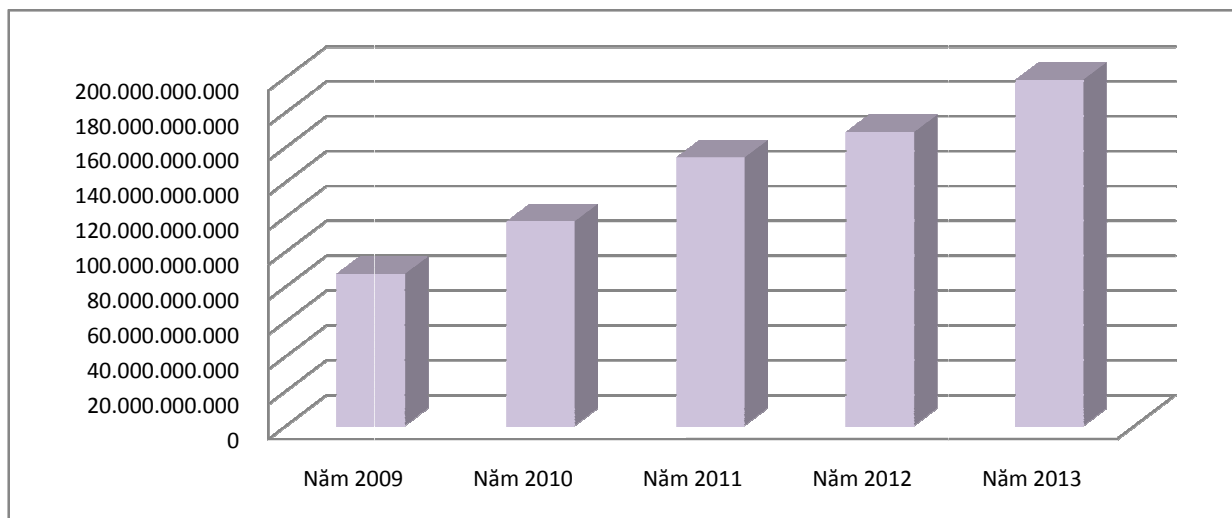
Nguồn: BCTC năm 2012, 2013 đã kiểm toán và BCTC Quý 1 năm 2014 chưa kiểm toán

Doanh thu dịch vụ của Công ty tăng trưởng tốt từ kể từ khi đi vào hoạt động cho đến nay. Trong giai đoạn kinh tế khó khăn như năm 2012 và 2013 nhưng doanh thu thuần của Công ty vẫn tăng trưởng lần lượt 9,53% và 17,79%. Đây là kết quả đáng khích lệ cho sự cố gắng của Ban điều hành và toàn thể CBCNV của Công ty.

Cung ứng dịch vụ cảng biển là dịch vụ tạo ra doanh thu chính cho Công ty, chiếm trên 80% trên tổng doanh thu thuần hàng năm của Công ty. Cung ứng dịch vụ cảng biển của Công ty bao gồm các dịch vụ như hoạt động khai thác cơ sở hạ tầng, thiết bị cầu cảng B7 và khai thác 6,2 ha bãi hàng container. Các hoạt động khác có đóng góp không đáng kể. Riêng đối với hoạt động vận tải quốc tế là hoạt động kinh doanh Công ty mới đưa vào vận hành và khai thác trong những năm trở lại đây. Đây hoạt động dịch vụ vận tải liên vận chuyển hàng hóa Việt - Lào, Công ty đang nghiên cứu nắm bắt cơ hội đầu tư để phát triển dịch vụ này trong tương lai.

Hình 01: Doanh thu thuần của Công ty giai đoạn 2009 - 2013

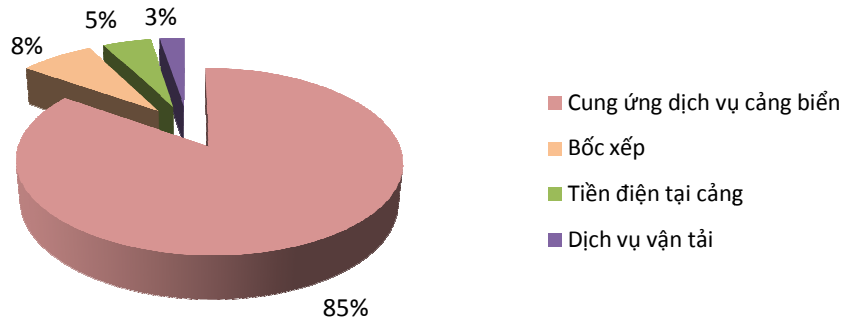
Đơn vị tính: đồng



Nguồn: Công ty cổ phần Cảng Cát Lái

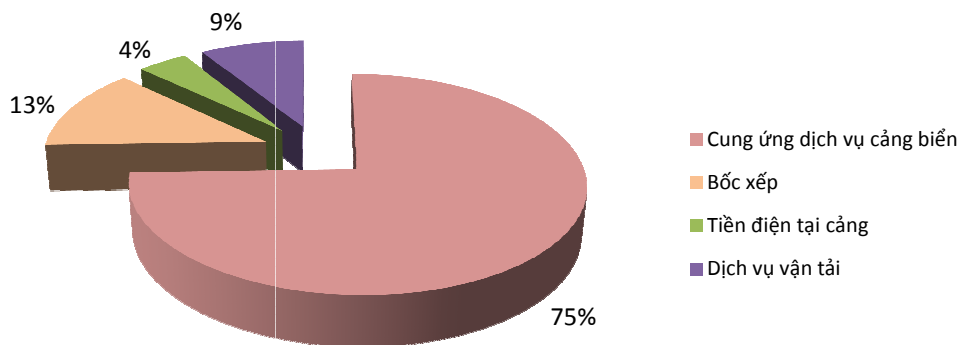
Hình 02: Cơ cấu tỷ trọng doanh thu qua các năm

Năm 2012



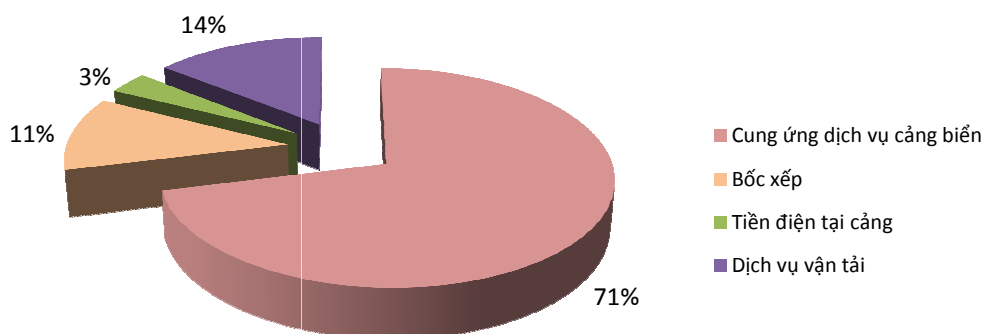
Nguồn: BCTC năm 2012 đã kiểm toán

Năm 2013



Nguồn: BCTC năm 2013 đã kiểm toán

3 tháng đầu năm 2014



Nguồn: BCTC Quý 1 năm 2014 chưa kiểm toán

Cơ cấu lợi nhuận gộp

Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		3tháng đầu năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Cung ứng dịch vụ cảng biển	95.288	98%	98.967	92.3%	25.972	90.6%
Bốc xếp	1.462	1.5%	12.074	11.2%	2.921	10.2%
Tiền điện tại cảng	0		0		0	
Vận tải quốc tế	454	0.5%	(3.784)	-3.5%	(219)	-0.8%
Cộng	97.204	100%	107.257	100%	28.674	100%

Nguồn: BCTC năm 2012, 2013 đã kiểm toán và BCTC Quý 1 năm 2014 chưa kiểm toán

Cùng với việc đóng góp chính cho nguồn thu của Công ty trong các năm qua, hoạt động cung ứng dịch vụ cảng biển cũng là nhân tố chính hình thành nguồn lợi nhuận của Công ty. Hoạt động bốc xếp cũng ngày càng có những đóng góp tích cực cho việc hình thành lợi nhuận của Công ty. Ngoài ra, như đã trình bày ở trên, hoạt động vận tải quốc tế Công ty mới đầu tư và đưa vào khai thác nên chưa góp phần tạo ra nguồn lợi nhuận ổn định cho Công ty.

6.3 Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu

Hoạt động chính trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ cảng biển, dịch vụ xếp dỡ, các loại nguyên nhiên liệu chính Công ty sử dụng là điện, dầu, nhớt,... nhưng chi phí của các nguyên vật liệu này chỉ chiếm tỷ trọng thấp cơ cấu chi phí giá vốn hàng bán. Chi phí phân đầu tư cơ sở hạ tầng phân bổ hàng năm chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá vốn hàng bán.

Nguồn cung ứng các loại nguyên liệu Công ty đang sử dụng khá đa dạng nên Công ty có cơ hội tốt để chọn lựa nhà cung cấp uy tín đảm bảo cung cấp đủ nguyên liệu cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Nguồn cung ứng nguyên liệu của Công ty rất ổn định. Từ năm 2009, Công ty ký hợp đồng mua nguyên liệu hàng năm với các công ty thuộc Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn để thực hiện việc cung cấp nguyên liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể năm 2009, 2010 Công ty ký với Công ty cổ phần dịch vụ và Đại lý Tân Cảng số 1, Công ty cổ phần xây dựng số 9; năm 2011 và năm 2012 ký với Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn; năm 2013 ký với Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Giá nguyên liệu luôn trong xu thế tăng, tuy nhiên do nguồn nguyên liệu chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu chi phí và doanh thu của Công ty phần lớn từ cung ứng dịch vụ cảng biển (chiếm trên 87%) nên các yếu tố giá nguyên nhiên liệu không ảnh hưởng trực tiếp đến

doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, khi có sự biến động về mặt giá cả các mặt hàng nguyên liệu cũng sẽ gây khó khăn cho hoạt động của khách hàng và các đối tác nên sẽ gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

6.4 Chi phí sản xuất

Cơ cấu chi phí

Đơn vị: 1.000 đồng

T T	Yếu tố chi phí	Năm 2012		Năm 2013		3 tháng đầu năm 2014	
		Giá trị	%/TDT	Giá trị	%/TDT	Giá trị	%/TDT
1	Giá vốn hàng bán	71.361.857	40,85	91.294.315	45,65	23.337.155	44,68
2	Chi phí bán hàng	0	0	0	0		
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.607.354	4,36	9.133.511	4,57	1.963.934	3,76
4	Chi phí tài chính	16.317.616	9,34	7.582.517	3,79	1.228.526	2,35
5	Chi phí khác	8.072.376	4,62	560.000	0,28		
Tổng chi phí		103.359.203	59,17	108.570.343	54,29	26.529.615	50,79

Nguồn: BCTC năm 2012, 2013 đã kiểm toán và BCTC Quý 1 năm 2014 chưa kiểm toán

Có thể nhận thấy yếu tố tích cực về biến động chi phí qua từng thời kỳ khi so sánh tương quan giữa tổng chi phí và tổng doanh thu. Tỷ lệ tổng chi phí trên tổng doanh thu giảm dần qua từng thời kỳ nên mặc dù tổng chi phí của Công ty năm 2013 tăng so với năm 2012 nhưng hiệu quả hoạt động của Công ty vẫn được nâng cao.

Trong cơ cấu chi phí hoạt động của Công ty, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn. Giá vốn hàng bán chiếm lần lượt 69,04% và 84,09% trên tổng chi phí năm 2012 và năm 2013, tương ứng với tỷ lệ so với tổng doanh thu trong hai năm 2012 và 2013 lần lượt là 40,85% và 45,65%. Tỷ trọng giá vốn hàng bán trong cơ cấu tổng chi phí của Công ty có xu hướng tăng dần do sự gia tăng tương ứng với mức tăng trưởng của doanh thu và sự sụt giảm của chi phí tài chính và các yếu tố chi phí khác.

Chi phí tài chính chiếm tỷ trọng lần lượt là 15,79% và 6,98% tổng chi phí trong năm 2012 và 2013, bao gồm các khoản mục: chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại TSCĐ có gốc ngoại tệ trong giai đoạn đầu tư và lỗ tỷ giá hối đoái. Chi phí tài chính trong năm 2013 giảm 53,53% so với năm 2012 là do hầu hết các yếu tố cấu thành chi phí tài chính năm 2013 đều giảm so với năm 2012. Trong đó, chi phí lãi vay giảm 50,98%, chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong giai đoạn đầu tư xây dựng TSCĐ đã phân bổ hết, lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện giảm 87,33% và lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện phát sinh trong năm 2013 là 1.092.012.356 đồng. Khoản lỗ tỷ giá hối đoái hàng năm phát sinh chủ yếu do khoản nợ Công ty vay bằng ngoại tệ khi đầu tư

xây dựng cảng. Tuy nhiên, theo kế hoạch trả nợ hàng năm, số dư nợ bằng ngoại tệ của Công ty sẽ giảm dần nên chi phí phát sinh từ việc đánh giá lại khoản nợ vay bằng ngoại tệ của Công ty trong các năm tới cũng sẽ có xu hướng giảm..

Cơ cấu chi phí tài chính năm 2012, 2013 và 3 tháng đầu năm 2014

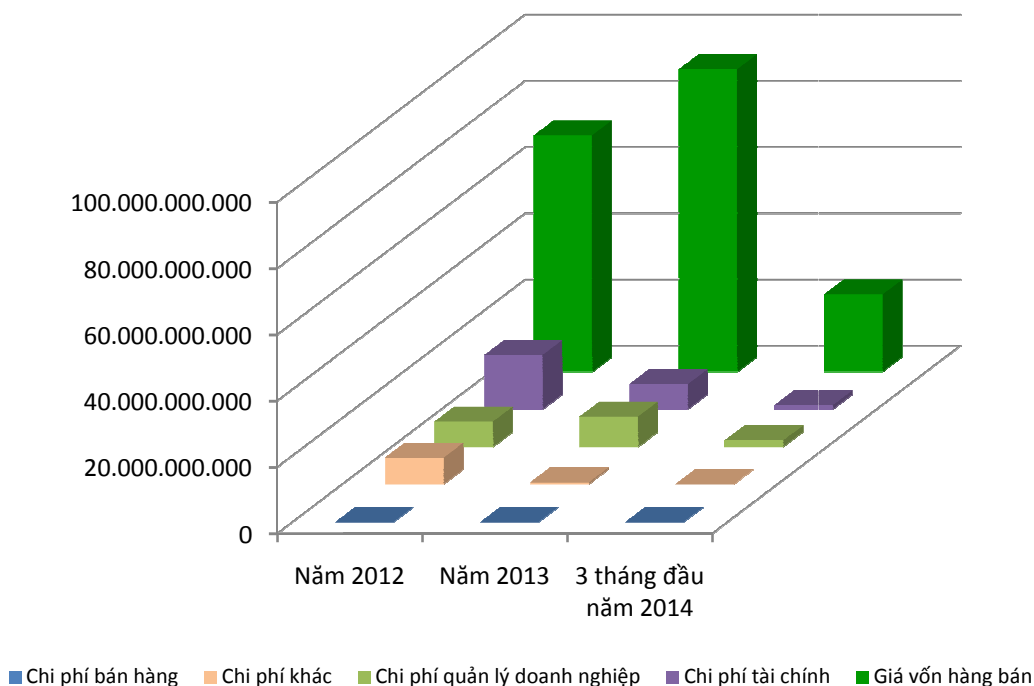
Đơn vị tính: 1.000 đồng

Yếu tố chi phí tài chính	Năm 2012		Năm 2013		3 tháng đầu năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Chi phí lãi vay	12.966.356	79,46%	6.356.657	83,83%	1.228.526	100%
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong giai đoạn đầu tư xây dựng TSCĐ	2.295.188	14,07%	-	-	-	-
Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.056.071	6,47%	133.848	1,77%	-	-
Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	1.092.012	14,40%	-	-
Tổng	16.317.616	100%	7.582.517	100%	1.228.526	100%

Nguồn: BCTC năm 2012 và năm 2013 đã kiểm toán và BCTC Quý 1 năm 2014 chưa kiểm toán

Các yếu tố chi phí giai đoạn năm 2012, 2013 và 3 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: đồng



Nguồn: BCTC năm 2012, 2013 đã kiểm toán và BCTC Quý 1 năm 2014 chưa kiểm toán

✚ Chi phí sản xuất năm 2013 của một số các doanh nghiệp hoạt động trong ngành vận tải kho bãi

Theo BCTC đã kiểm toán năm 2013 của một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải kho bãi được công bố trên website của HSX, một số chỉ tiêu của về chi phí hoạt động của các doanh nghiệp này như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Khoản mục	DVP		TCL		SFI		TMS		STG	
		Giá trị	%/TDT	Giá trị	%/TDT	Giá trị	%/TDT	Giá trị	%/TDT	Giá trị	%/TDT
1	Tổng doanh thu	522.761	100%	772.465	100%	472.519	100%	411.910	100%	667.245	100%
	<i>Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	500.620	95,76%	717.387	92,87%	458.497	97,03%	398.368	96,71%	661.257	99,10%
	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	21.161	4,05%	23.524	3,05%	13.115	2,78%	11.396	2,77%	5.005	0,75%
	<i>Doanh thu khác</i>	980	0,19%	31.555	4,08%	907	0,19%	2.145	0,52%	983	0,15%
2	Tổng chi phí	312.890	59,85%	661.893	85,69%	437.473	92,58%	355.826	86,38%	635.428	95,23%
	<i>Giá vốn hàng bán</i>	278.152	53,21%	580.377	75,13%	326.347	69,07%	318.317	77,28%	540.714	81,04%
	<i>Chi phí bán hàng</i>	0	0,00%	4.436	0,57%	2.614	0,55%	1.168	0,28%	76.456	11,46%
	<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	22.470	4,30%	33.256	4,31%	103.231	21,85%	23.569	5,72%	17.622	2,64%
	<i>Chi phí tài chính</i>	12.257	2,34%	15.591	2,02%	4.369	0,92%	11.396	2,77%	503	0,08%
	<i>Chi phí khác</i>	11	0,00%	28.233	3,65%	912	0,19%	1.376	0,33%	133	0,02%
3	Lợi nhuận sau thuế	196.994	37,68%	85.190		30.063 ^(*)		97.075 ^(*)		24.061	
4	VCSH bình quân	632.579		426.161		238.111		603.674		132.152	
5	ROE	31,14%		19,99%		12,63%		16,08%		18,21%	

Nguồn: BCTC năm 2013 đã kiểm toán của DVP, TCL, SFI, TMS, STG

Ghi chú: (*): Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ

Trong các doanh nghiệp trên đây, ngoài DVP có mức tổng chi phí/tổng doanh thu ở mức gần tương đương với Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái, các doanh nghiệp khác đều có mức tổng chi phí/tổng doanh thu trên 85%. Điều này cho thấy, hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái đang được điều hành khá hiệu quả so với các doanh nghiệp trong ngành.

6.5 Trình độ công nghệ

Với mảng hoạt động kinh doanh chính là cung ứng dịch vụ cảng biển, dịch vụ xếp dỡ nên các thiết bị, phương tiện, cơ sở hạ tầng của Công ty được đầu tư với công nghệ tiên tiến, hiện đại được nhập khẩu, chất lượng kỹ thuật tốt, các thiết bị luôn được bảo dưỡng định kỳ bảo đảm an toàn cho người quản lý, người lao động, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của các đối tác, rút ngắn thời gian giao hàng container, tạo giá trị gia tăng cho khách hàng. Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty đang quản lý các thiết bị, hệ thống cơ sở hạ tầng kho bãi bao gồm:

Hạ tầng và Hệ thống trang thiết bị, kho bãi Công ty:

- Hệ thống cầu cảng với cơ sở hạ tầng hiện đại là Cầu tàu B7: Chiều dài bến 216 mét, chiều rộng 36 mét có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng 30.000 DWT (2.500 TEU).
- Bến sà lan B7: Chiều dài bến 22 mét, chiều rộng 8 mét, khả năng tiếp nhận xà lan có tải trọng 2.200 DWT (128 TEU).
- Hệ thống bãi container: Diện tích 6,2 ha phục vụ cho hoạt động lưu kho bãi, xếp dỡ container.
- Hạ tầng cơ sở kỹ thuật bao gồm hệ thống chiếu sáng, trạm điện, máy phát điện bảo đảm hoạt động sản xuất khai thác tại cầu cảng, bến sà lan và bãi hàng liên tục, ổn định, không bị gián đoạn.

Hệ thống trang thiết bị phục vụ cho hoạt động xếp dỡ:

- Thiết bị xếp dỡ trên bãi hàng: 2 cầu Kalmar 6+1 hoạt động cho dịch vụ xếp dỡ tại bãi container.
- Thiết bị xếp dỡ tại cầu tàu: 03 cầu bờ container dạng khung chạy trên ray hiệu K.E, Kocks đáp ứng nhu cầu cung ứng dịch vụ cảng biển tại cầu tàu B7, B2.
- Thiết bị xếp dỡ tại bến xà lan: 01 cầu Liebherr Liebherr hoạt động dịch vụ xếp dỡ tại bến sà lan.

Hệ thống trang thiết bị phục vụ cho hoạt động vận tải:

- Hiện nay Công ty có trên 30 xe đầu kéo đáp ứng mọi nhu cầu vận tải hàng hóa trong nước và quốc tế (Lào, Campuchia,...).

Trong thời gian tới Công ty định hướng tiếp tục đầu tư các trang thiết bị hiện đại, nhằm nâng cao năng suất và đảm bảo chất lượng dịch vụ mang lại cho khách hàng.



Hệ thống cầu cảng B7 và dàn cầu bờ hiện đại hiệu KE, Kocks



Thiết bị xếp dỡ cầu KE làm hàng tại cầu tàu



Hệ thống bãi container: diện tích 6,2 ha

6.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Do tính chất khắt khe về các hoạt động dịch vụ cảng, nên Công ty rất chú trọng việc nghiên cứu quá trình luân chuyển hàng hóa tại các cầu cảng, bến sà lan, đảm bảo tăng

công suất bốc xếp, lưu chuyển hàng hóa an toàn, đảm bảo tính hợp lý trong dây chuyền để tiết kiệm tốt nhất chi phí đầu vào cho các dịch vụ, nâng cao tính cạnh tranh trong giá dịch vụ. Hiện nay, Công ty đã ứng dụng phần mềm ứng dụng quản lý điều hành và khai thác cảng container TOPX (Terminal Operation Package System) đang sử dụng trong cùng hệ thống với Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Hoạt động nghiên cứu, cải tiến quy trình làm việc và áp dụng công nghệ vào hoạt động quản lý điều hành cảng đã góp phần vào việc nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo uy tín cho Công ty trước khách hàng và tiết kiệm chi phí trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Qua đó, mức doanh thu từng năm của Công ty đều có mức tăng trưởng và hiệu quả, hoạt động của Công ty được nâng cao qua mỗi năm hoạt động.

6.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Chính sách chất lượng dịch vụ của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái là cung ứng dịch vụ hoàn hảo, tốt nhất, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Công ty luôn đặt vấn đề chất lượng dịch vụ lên hàng đầu, bên cạnh đó luôn tuân thủ mọi quy định, quy chuẩn kỹ thuật của nhà nước (đặt biệt đối với các thiết bị phương tiện có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn).

Cùng với Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn, Công ty đang áp dụng phần mềm quản lý điều hành và khai thác cảng container TOP - X (Terminal Operation Package System) của RBS (Australia). Với tính năng ưu việt cho phép lập kế hoạch tổng thể từ tàu, bến, bãi, công cảng đến điều hành phương tiện xếp dỡ và quản lý mọi mặt sản xuất theo thời gian thực, từ đó giúp nâng cao năng lực xếp dỡ của cảng, rút ngắn thời gian giao nhận container, hạn chế tối đa số vụ mất an toàn lao động, an toàn giao thông trong cảng, giảm thủ tục giấy tờ và chi phí cho hãng tàu, khách hàng và tăng hiệu quả khai thác một cách đáng kể.

Chính sách chất lượng

Chính sách chất lượng của Công ty là luôn liên hệ chặt chẽ với khách hàng, tiếp nhận và xử lý thông tin các yêu cầu của khách hàng, đối tác nhằm cung cấp dịch vụ hoàn hảo, tính cạnh tranh cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng, đối tác.

Thực hiện triển khai chính sách chất lượng dịch vụ đến từng người lao động, đào tạo, huấn luyện người lao động có tinh thần tập thể, kỹ năng cần thiết, các chính sách của Công ty, khuyến khích nhân viên tinh thần học tập, nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ nhằm không ngừng cải tiến và hoàn thiện chất lượng công việc của mình, tăng hiệu quả công việc.

Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng cảng biển (trong đó luôn chú trọng đến hệ thống cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực), bảo đảm dịch vụ luôn được cung ứng

kịp thời, nhanh chóng, hiệu quả, nâng cao năng suất giải phóng tàu, đảm bảo kế hoạch sản xuất của Cảng.

Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ xếp dỡ tại bãi container cũng như tại bến sà lan nhanh chóng, kịp thời, giải phóng bến bãi nhanh chóng, nâng cao hiệu quả khai thác cảng tạo hình ảnh thân thiện trong khách hàng, đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

Bộ phận kỹ thuật kiểm tra chất lượng của Công ty

Bộ phận kỹ thuật kiểm tra chất lượng của Công ty có nhiệm vụ giúp Ban lãnh đạo trong công tác quản lý chất lượng, quản lý khai thác tối đa nguồn lực, trang thiết bị phương tiện hiện có. Bộ phận kỹ thuật kiểm tra chất lượng có trách nhiệm tham mưu, xây dựng kế hoạch, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

6.8 Hoạt động Marketing

Cùng với công tác quản lý chất lượng, Công ty luôn quan tâm đến hoạt động marketing và quảng bá thương hiệu nhằm tìm kiếm, tiếp cận khách hàng tiềm năng, chính sách chăm sóc, động viên khách hàng thường xuyên cùng hợp tác phát triển, xem “khách hàng” là nhân tố quyết định sự thành công trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các hoạt động marketing được thực hiện thường xuyên, mỗi người lao động trong Công ty là hình ảnh quảng bá cho Công ty. Hoạt động marketing của Công ty bao gồm các hoạt động nghiên cứu thị trường, giá cả, thường xuyên liên lạc và thực hiện chế độ chăm sóc và các chính sách bán hàng đối với khách hàng đặc biệt, thường xuyên; khắc phục các điểm chưa phù hợp để phục vụ khách hàng tốt hơn; thực hiện chính sách giá cả hợp lý trên cơ sở nghiên cứu đối thủ cạnh tranh, giá các yếu tố đầu vào để đưa ra chính sách giá tối ưu nhất theo từng thời điểm với dịch vụ cung ứng hoàn hảo.

Ngoài hoạt động marketing của Công ty, Công ty còn phối hợp với hoạt động marketing của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn quảng bá, đưa ra chính sách giá cả hợp lý, dịch vụ cung ứng hoàn hảo, thời gian nhanh chóng, hoạt động xếp dỡ an toàn, chính sách nhằm thu hút các hãng tàu.

6.9 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty hiện chưa có nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế. Ngoài ra, Công ty cũng chưa thực hiện đăng ký bảo hộ nhãn hiệu thương mại, đăng ký bảo hộ phát minh sáng chế và bản quyền cho bất kỳ sản phẩm và nhãn hiệu nào.

6.10 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Hiện Công ty đang có quan hệ thương mại với đối tác chính là Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn và Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng. Một số hợp đồng tiêu biểu Công ty đã và đang thực hiện với các đối tác này như sau:

Stt	Tên hợp đồng	Giá trị thực hiện HĐ	Thời gian thực hiện	Dịch vụ	Đối tác	Tiến độ thực hiện
1	Hợp đồng cung ứng dịch vụ cảng biển số 301/KHKT-TC	82,260 tỷ	Năm 2009	Cung ứng dịch vụ cảng biển	Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Đã thực hiện trong năm 2009
2	Phụ lục Hợp đồng số 04/PLHĐ về việc cung ứng dịch vụ cảng biển theo hợp đồng số 301/KHKT-TC	105,760 tỷ	Năm 2010	Cung ứng dịch vụ cảng biển và cho thuê thiết bị	Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Đã thực hiện trong năm 2010
3	Hợp đồng cung ứng dịch vụ cảng biển số 2225/KHKT-TC	133,786 tỷ	Năm 2011	Cung ứng dịch vụ cảng biển và cho thuê thiết bị	Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Đã thực hiện trong năm 2011
4	Phụ lục Hợp đồng số 01-2225/PLHĐ về việc cung ứng dịch vụ cảng biển theo hợp đồng số 2225/KHKT-TC	125 tỷ	Năm 2012	Cung ứng dịch vụ cảng biển và cho thuê thiết bị	Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Đã thực hiện trong năm 2012
5	Phụ lục Hợp đồng số 03-2225/PLHĐ về việc cung ứng dịch vụ cảng biển theo hợp đồng số 2225/KHKT-TC	125 tỷ	Năm 2013	Cung ứng dịch vụ cảng biển và cho thuê thiết bị	Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Đã thực hiện năm 2013
6	Phụ lục Hợp đồng số 04-2225/PLHĐ về việc cung ứng dịch vụ cảng biển theo hợp đồng số 2225/KHKT-TC	125 tỷ (Quý 1/2014 đã thực hiện 31,25 tỷ đồng)	Năm 2014	Cung ứng dịch vụ cảng biển và cho thuê thiết bị	Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Đang thực hiện năm 2014
7	a) Các Hợp đồng xếp dỡ container số 2887/HĐ-TC-KHKT; số 775/HĐ-TC-KHKT; số 647/HĐ-TC-KHKT; số 100/HĐ-TC-KHKD; số 190/HĐ-TC-KHKD và số 169/TCT-KHKD-2014. b) Hợp đồng nguyên tắc số 269/ KVTC-CPCCL; Hợp đồng xếp dỡ container số 497/KVTC-CPCCL; số 067/KVTC-CCL; số 293/KVTC-CCL c) Hợp đồng nguyên tắc	4,99 tỷ	Năm 2009	Cung cấp dịch vụ xếp dỡ container tại bãi hàng; từ xe xuống sà lan hoặc ngược lại	a) Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (*) b) Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (**) c) Công ty CP Đại lý GNV T Xếp dỡ Tân Cảng (***)	Đã thực hiện trong năm 2009
		9,13 tỷ	Năm 2010			Đã thực hiện trong năm 2010
		12,55 tỷ	Năm 2011			Đã thực hiện trong năm 2011
		12,76 tỷ	Năm 2012			Đã thực hiện trong năm 2012
		24,85 tỷ	Năm 2013			Đã thực hiện năm 2013

Stt	Tên hợp đồng	Giá trị thực hiện HĐ	Thời gian thực hiện	Dịch vụ	Đối tác	Tiến độ thực hiện
	số 120/HĐ-GNVT-KHKD; số 088A/HĐ-GNVT-KHKD					
8	Hợp đồng cho thuê thiết bị số 98/TC-KHKD	1,91 tỷ/tháng (Giá trị thực hiện 9 tháng 2012: 12,3 tỷ đồng)	Bắt đầu từ 19/03/2012	Thiết bị khai thác xếp dỡ tại cầu cảng	Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Đã thực hiện trong năm 2012 từ ngày 19/03/2012.
9	Hợp đồng cho thuê thiết bị số 71/TC-KHKD	23 tỷ	Năm 2013	Thiết bị khai thác xếp dỡ tại cầu cảng	Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Đã thực hiện năm 2013
10	Hợp đồng cho thuê thiết bị số 98/TCT-KHKD	23 tỷ/năm (Quý 1/2014 đã thực hiện 5,75 tỷ đồng)	Năm 2014	Thiết bị khai thác xếp dỡ tại cầu cảng	Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Đang thực hiện năm 2014

Nguồn: Công ty cổ phần Cảng Cát Lái

Ghi chú:

- (*): Đơn giá xếp dỡ container áp dụng cho Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn bao gồm các dịch vụ sau và được quy định cụ thể cho từng loại container 20'H, 40'H, 20'R, 40'R.

STT	Chi tiết về các dịch vụ xếp dỡ
1.	Xếp dỡ container từ sà lan lên xe tại bến B7 (hoặc ngược lại)
2.	Nâng/hạ container xuất/nhập tàu
3.	Nâng/hạ trực tiếp cho khách hàng bằng sà lan và đường bộ
4.	Nâng/hạ phục vụ chuyển cảng, ICD liên kết bằng sà lan và đường bộ
5.	Nâng/hạ container hàng chuyển bãi nội bộ (có sử dụng xe trung chuyển)
6.	Nâng/hạ phục vụ dời dọn bãi, đảo chuyển, quya đầu container (không dùng xe trung chuyển)

Chú ý: Giá trị hợp đồng sẽ được thanh toán trên tổng số lượng xếp dỡ container/tháng

- (**): Đơn giá xếp dỡ container áp dụng cho Công ty cổ phần Kho Vận Tân Cảng:

Hợp đồng và các Phụ lục về đơn giá xếp dỡ container áp dụng được ký hàng năm tính đơn giá/container, không phân biệt container 20 feet, container 40 feet, container hàng hoặc container rỗng. Đơn giá này áp dụng chung cho tất cả các tác nghiệp xếp dỡ

container.

- (***) : Đơn giá xếp dỡ container áp dụng cho Công ty cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng:

Hợp đồng và các Phụ lục về đơn giá xếp dỡ container áp dụng được ký hàng năm tính trên đơn giá/container; đơn giá có sự phân biệt giữa container 20 feet, container 40 feet, container hàng hoặc container rỗng.

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2012, năm 2013 và 3 tháng đầu năm 2014

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012, 2013 và 3 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng/giảm	31/03/2014
1.	Tổng tài sản	484.659.203.982	515.199.695.998	6,30%	512.753.776.131
2.	Vốn chủ sở hữu	326.815.409.021	374.391.175.207	14,56%	391.089.523.120
2.	Doanh thu thuần	168.565.833.073	198.551.208.286	17,79%	52.011.648.180
3.	Lợi nhuận từ HĐKD	76.477.205.976	91.328.400.438	19,42%	25.700.440.153
4.	Lợi nhuận khác	(5.154.692.278)	90.000.000	-	-
5.	Lợi nhuận trước thuế	71.322.513.698	91.418.400.438	28,18%	25.700.440.153
6.	Lợi nhuận sau thuế	66.222.192.988	82.248.521.634	24,20%	20.560.352.122
7.	Tỷ lệ trả cổ tức	22%			-
8.	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	20,34%	23,46%		-

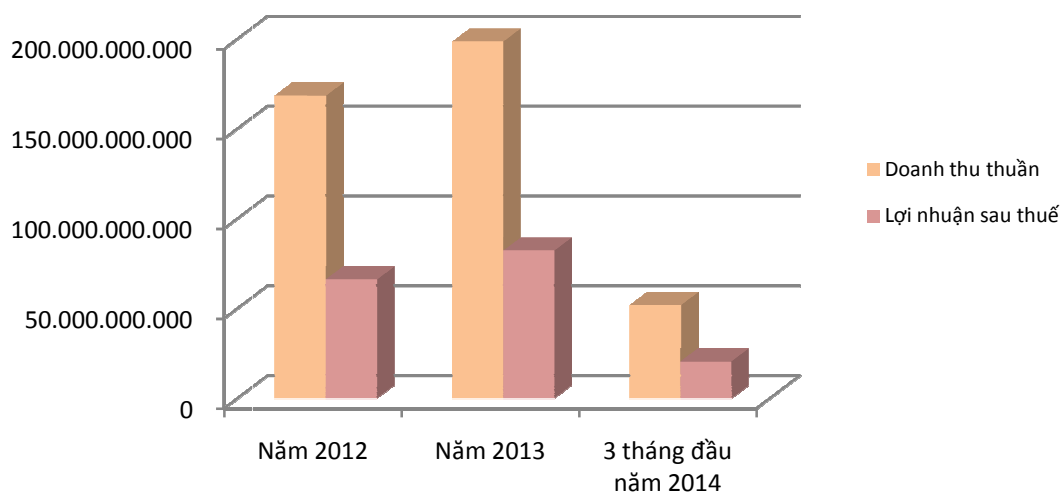
Nguồn: BCTC năm 2012, 2013 đã kiểm toán và BCTC Quý 1 năm 2014 chưa kiểm toán

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển khả quan kể từ khi hệ thống cầu cảng chính thức đi vào hoạt động năm 2009. Doanh thu tăng bình quân khoảng 22,82%/năm và lợi nhuận sau thuế cũng tăng bình quân 16,26%/năm trong giai đoạn năm 2010 - 2013. Doanh thu thuần của Công ty tăng mạnh vào năm 2010 và năm 2011 với mức tăng lần lượt là 34,32% (đạt 117.201.726.153 đồng) và 31,31% (đạt 153.900.975.663 đồng). Mặc dù mức tăng trưởng doanh thu thuần năm 2012 và năm 2013 lần lượt là 9,53% và 17,79% là thấp hơn những năm trước đó nhưng lợi nhuận sau thuế của năm 2012 và 2013 đạt mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn năm 2010 – 2013 (mức tăng trưởng lợi nhuận của năm 2010, 2011, 2012 và 2013 lần lượt là 0,37%, 12,22%, 30,36% và 24,20%). Điều này cho thấy hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng đi vào chiều sâu và đạt hiệu quả cao. Những thành công bước đầu này sẽ là nền tảng, động lực cho sự phát triển mạnh mẽ

hơn nữa của Công ty trong tương lai, góp phần giữ vững và nâng cao hơn nữa giá trị của các cổ đông.

Biểu đồ Doanh thu, Lợi nhuận sau thuế năm 2012, 2013 và 3 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: đồng



Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC Quý 1/2014 chưa kiểm toán

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo 2013

✚ Những nhân tố thuận lợi

- Với chủ trương quy hoạch và phát triển tổng thể ngành vận tải trong thời gian tới để đảm bảo sự hội nhập ngày càng sâu hơn trong lưu thông hàng hóa quốc tế, sẽ mở ra cho các doanh nghiệp cơ hội phát triển trong lĩnh vực vận tải, khai thác cảng biển, xếp dỡ và lưu bãi hàng hóa, container.
- Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn là cổ đông sáng lập và là khách hàng lớn của Công ty có tiềm lực tài chính với hệ thống cơ sở hạ tầng cảng lớn, nằm ở vị trí chiến lược trên khắp cả nước với các dịch vụ khai thác cảng biển như: Dịch vụ vận vãi, xếp dỡ, dịch vụ hàng hải, cứu hộ, cứu nạn, hoa tiêu, địa ốc, cao ốc văn phòng, xây dựng công trình dân sự, quân sự ... và vận tải đa phương thức cung cấp dịch vụ trọn gói cho khách hàng. Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn là một trong những công ty có thương hiệu, uy tín trong ngành, có kinh nghiệm trong việc tổ chức, khai thác, kinh doanh cảng biển. Hơn 24 năm xây dựng và trưởng thành (15/03/1989 – 15/03/2014), Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn đã trở thành Nhà khai thác cảng container hàng đầu Việt Nam, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn là một trong 43 doanh nghiệp tại Việt Nam được vinh danh “*Thương Hiệu Quốc Gia*” – đây là biểu trưng giá trị thương hiệu uy tín nhất tại Việt Nam do Hội Đồng Thương Hiệu Quốc Gia bình chọn năm 2010.
- Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái là công ty mới thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ năm 2009, nhưng công tác tổ chức, quản lý hoạt động của Công ty khá

tốt, các thành viên trong Ban quản trị luôn luôn đoàn kết nhằm xây dựng Công ty ngày càng phát triển vững mạnh. Đội ngũ CBCNV của Công ty được tuyển dụng từ những nguồn có chất lượng, có nhiều kinh nghiệm trong công tác điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, sự năng động và tinh thần trách nhiệm của bộ máy lãnh đạo là nhân tố thuận lợi tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh của Công ty ổn định và phát triển.

- Công ty có chính sách đào tạo nhằm nâng cao trình độ nguồn nhân lực của mình để đáp ứng các quy định khắt khe trong hoạt động dịch vụ cảng biển, đồng thời nâng cao vai trò, khuyến khích những ý tưởng sáng tạo của các cán bộ, công nhân viên nhằm đa dạng sản phẩm của mình, phát triển và mở rộng mạng lưới hoạt động kinh doanh. Chiến lược, tầm nhìn, mục tiêu phát triển của Công ty luôn được Ban lãnh đạo vạch ra rõ ràng, phù hợp với tình hình thực tiễn và văn hóa trong Công ty.

Những nhân tố khó khăn

- Kinh tế thế giới ngày càng bộc lộ nhiều hơn những khó khăn thách thức, tình trạng bất ổn tài chính, thâm hụt ngân sách, khủng hoảng nợ công ở một số nền kinh tế lớn, đặc biệt là ở các nước khu vực Châu Âu và Mỹ, đã đẩy nhiều nước đến nguy cơ bất ổn về kinh tế và chính trị. Nguồn vốn đầu tư ngày càng hạn hẹp, lạm phát, thất nghiệp tăng cao. Những bất ổn này tiếp tục ảnh hưởng xấu đến vấn đề an sinh xã hội, kinh tế vĩ mô vốn đang bị mất cân bằng giữa các khu vực kinh tế.... đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động xuất nhập khẩu, giá cả đầu vào tăng cao, doanh thu suy giảm, ảnh hưởng không nhỏ đến đến hoạt động và quản lý chi phí, doanh thu của Công ty.
- Việc thiếu sự đồng bộ trong quy hoạch tổng thể hệ thống cảng biển trong thời gian qua, đặc biệt là khu vực phía Nam, đã dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt trong thị phần, trong giá phí dịch vụ cảng biển và dịch vụ logistic giữa các công ty cùng ngành.
- Giá cả các mặt hàng thiết yếu như xăng dầu, điện,... vẫn có xu hướng tăng; lạm phát đã giảm nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, tất cả các yếu tố trên đã làm gia tăng chi phí tài chính và chi phí sản xuất, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ngoài ra, sự thiếu hụt lực lượng lao động lành nghề là những trở ngại trong hoạt động dịch vụ của Công ty.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành và so sánh tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Chiến lược phát triển của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn là trở thành nhà khai thác cảng container chuyên nghiệp, hiện đại và lớn nhất Việt Nam, quản lý một hệ thống các cảng của Tổng Công ty từ Bắc đến Nam, bao gồm: Cảng Tân Cảng – 189, cảng Tân

Cảng - 128 khu vực phía Bắc; Cảng Tân Cảng – Miền Trung tại Quy Nhơn; Cảng container nước sâu Tân Cảng – Cái Mép tại Bà Rịa – Vũng Tàu; Cảng Tân Cảng – Cát Lái, Cảng Tân Cảng – Hiệp Phước tại TP. Hồ Chí Minh; Cảng Tân Cảng – Cao Lãnh, Cảng Tân Cảng – Sa Đéc, Cảng Tân Cảng – Mỹ Tho, Cảng Tân Cảng – Trà Nóc khu vực ĐBSCL. Hiện nay, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn đang dẫn đầu hệ thống cảng biển Việt Nam về thị phần. Sản lượng hàng hoá container xuất nhập khẩu thông qua Tân Cảng Sài Gòn chiếm trên 80% thị phần các cảng khu vực TP. HCM và gần 50% thị phần cả nước.

Cảng Cát Lái nằm trong hệ thống cảng biển của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (Khu vực Cảng Tân Cảng – Cát Lái) có lợi thế về vị trí là nằm trong trung tâm tứ giác phát triển kinh tế động lực chiến lược và tiềm năng nhất Việt Nam gồm TP. Hồ Chí Minh, Tỉnh Đồng Nai, Tỉnh Bình Dương và Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là khu vực thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI) hàng đầu cả nước đồng thời với tỷ lệ dân số chiếm gần 50%, nên cũng là vùng đóng góp lớn nhất cho kinh tế Việt Nam, chiếm gần 60% nguồn thu ngân sách và trên 70% kim ngạch xuất khẩu.

Trong số các cảng đang do Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn khai thác, có hai cảng container lớn nhất Việt Nam là khu vực cảng Tân Cảng – Cát Lái và cảng Tân Cảng – Cái Mép. Trong đó, theo quy mô được đầu tư, khu vực Cảng Tân Cảng - Cát Lái hiện đang đứng trong top 34 cảng container hàng đầu thế giới, có tổng diện tích gần 100 hecta, 8 bến cập tàu, tổng chiều dài cầu tàu 1422 m được trang bị 22 cầu bờ hiện đại KE, Kocks và gần 30 cầu RTG 6+1, 185 xe đầu kéo, Cảng Cổ phần Cát Lái của Công ty là một phần của Khu vực Cảng này. Cảng Cổ phần Cát Lái được xây dựng và khai thác trên diện tích 6,2 ha, được bao quanh bởi nhiều khu công nghiệp lớn và các trung tâm năng lượng, hệ thống giao thông dễ dàng kết nối bằng đường bộ qua Quốc Lộ 1, Quốc Lộ 51 và bằng đường sắt qua hệ thống đường sắt quốc gia, mặt bằng của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái có một vị trí hết sức quan trọng và thuận lợi trong việc tạo thành chuỗi kết nối và cung ứng rất hoàn hảo giữa tất cả các doanh nghiệp trong Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, hệ thống cảng nước sâu thuộc tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và hệ thống cảng thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong gần 05 năm thành lập đến nay, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái đã chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng, quản trị Công ty nhằm khai thác được lợi thế vị trí và khả năng khai thác cảng biển của hệ thống Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, phù hợp với định hướng phát triển của đất nước về quy hoạch Cảng biển đã được Chính Phủ quy hoạch.

Trong chiến lược phát triển kinh doanh, mục tiêu Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái sẽ trở thành một trung tâm cung ứng dịch vụ cảng biển logistics kiểu mẫu, hiện đại của Việt Nam trong đó có đầy đủ các dịch vụ kho hàng, bãi container và các dịch vụ giá trị gia tăng cùng với sự cung ứng các giải pháp kinh doanh toàn diện phù hợp với định hướng phát triển cụm khu vực Cảng Cát Lái và hệ thống cảng biển của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.

So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Một số chỉ tiêu của các doanh nghiệp ngành vận tải kho bãi năm 2013

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	DVP	TCL	SFI	TMS	STG	CLL
1	Vốn điều lệ	400.000	209.439	87.045	230.738	83.519	240.000
2	Tổng tài sản	924.640	795.131	517.824	836.511	187.518	515.200
3	Vốn chủ sở hữu	718.573	464.107	246.530	632.237	135.784	374.391
4	Doanh thu thuần	500.620	717.387	458.497	398.368	661.257	198.551
5	Lợi nhuận từ HĐKD	208.903	107.251	35.049	52.374	30.967	91.328
6	Lợi nhuận khác	839	3.322	(4)	769	850	90
7	Lợi nhuận trước thuế	209.742	113.907	47.617	110.701	31.817	91.418
8	Lợi nhuận sau thuế	196.994	85.190	30.063 ^(**)	97.075 ^(**)	24.061	82.249
9	Tỷ lệ trả cổ tức	20% ^(*)	18%	15% ^(*)	18% ^(*)	20% ^(*)	
10	EPS (đồng/cổ phần)	4.925	4.068	3.454	4.207	2.881	3.427
11	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	31,14%	19,99%	12,63%	16,08%	18,21%	23,46%

Nguồn: BCTC năm 2013 đã kiểm toán và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 TCL và Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của DVP, SFI, TMS, STG

Ghi chú:

- (*): Mức chi trả cổ tức dự kiến.
- (**): Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ.

Có thể nhận thấy, hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái năm 2013 khá tốt so với các doanh nghiệp cùng hoạt động trong lĩnh vực vận tải kho bãi. Chỉ số ROE của Công ty trong năm 2013 đạt 23,46%, khá cao so với các doanh nghiệp trong ngành. Mức cổ tức hàng năm của Công ty luôn duy trì trong khoảng 18%-22%, là mức tương đối cao so với các công ty trong ngành vận tải kho bãi nói riêng và các doanh nghiệp đang niêm yết nói chung. Điều này cho thấy, hoạt động của Công ty đã được Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty duy trì và phát triển tốt, qua đó, giá trị của các cổ đông cũng không ngừng được nâng cao.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Cùng sự phát triển kinh tế là tăng trưởng trong hoạt động xuất nhập khẩu. Do đó,

ngành logistics lại thêm nhiều cơ hội phát triển. Theo Quyết định số 2190/QĐ – TTg ngày 24/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ ngày 24/12/2009 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam, dự kiến lượng hàng thông qua toàn bộ hệ thống cảng biển đến năm 2015 là 500 ÷ 600 triệu T/năm, đến năm 2020 đạt 900 ÷ 1.100 triệu T/năm và đến năm 2030 đạt 1.600 ÷ 2.100 triệu T/năm . Điều đó cho thấy tiềm năng phát triển dịch vụ logistics Việt Nam còn khá lớn.

Theo thông tin từ “Diễn đàn Logistics Việt Nam” lần thứ nhất năm 2013 với chủ đề “Nâng cao năng lực cạnh tranh từ liên kết các doanh nghiệp xuất nhập khẩu với logistics” được tổ chức vào ngày 15/11/2013, những năm gần đây, vận tải biển Việt Nam đang có những bước phát triển đáng kể. Hiện 90% hàng hóa XNK được vận chuyển bằng đường biển. Việc dịch chuyển cơ sở sản xuất của nhiều doanh nghiệp nước ngoài từ nơi khác đến Việt Nam đã tạo ra cơ hội rất lớn trong việc xây dựng một mạng lưới giao nhận kho vận hoạt động hiệu quả.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Theo Quyết định 2190/QĐ-TTg ngày 24/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, mục tiêu “*Phát triển hệ thống cảng biển theo một quy hoạch tổng thể và thống nhất trên quy mô cả nước nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tạo cơ sở vật chất kỹ thuật để nhanh chóng đưa nước ta hội nhập và đủ sức cạnh tranh trong hoạt động cảng biển với các nước trong khu vực và trên thế giới, khẳng định vị trí và ưu thế về kinh tế biển của đất nước; đồng thời góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng của đất nước. Hình thành những đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng với quốc tế làm động lực phát triển các khu kinh tế, đô thị - công nghiệp ven biển.*” cụ thể:

- Tận dụng tối đa lợi thế về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên để phát triển toàn diện hệ thống cảng biển, đột phá đi thẳng vào hiện đại, nhanh chóng hội nhập với các nước tiên tiến trong khu vực về lĩnh vực cảng biển nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, từng bước đưa kinh tế hàng hải trở thành mũi nhọn hàng đầu trong 5 lĩnh vực kinh tế biển, đồng thời góp phần củng cố an ninh, quốc phòng của đất nước;
- Phát triển hợp lý giữa các cảng tổng hợp quốc gia, cảng chuyên dùng, cảng địa phương, đảm bảo tính thống nhất trong toàn hệ thống. Chú trọng phát triển các cảng nước sâu ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam tạo những cửa mở lớn vươn ra biển xa có sức hấp dẫn ảnh hưởng tới địa bàn các nước lân cận trong khu vực; từng bước củng cố, nâng cấp mở rộng các cảng khác; coi trọng công tác duy tu bảo trì để đảm bảo khai thác đồng bộ, hiệu quả;
- Phát triển đồng bộ giữa cảng biển với mạng cơ sở hạ tầng sau cảng, giữa kết cấu hạ tầng cảng biển với hạ tầng công cộng kết nối với cảng biển. Đặc biệt chú trọng đảm bảo sự kết nối liên hoàn giữa cảng biển với mạng giao thông quốc gia và đầu mối logistic ở khu vực.

- Phát triển hướng mạnh ra biển để tiếp cận nhanh chóng với biển xa, giảm thiểu khó khăn trở ngại về luồng tàu vào cảng; kết hợp tạo động lực phát triển các khu kinh tế, công nghiệp – đô thị ven biển;
- Huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước để phát triển cảng biển. Đẩy mạnh xã hội hóa việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cảng biển, không chỉ đối với cầu bến cảng mà còn cả hạ tầng công cộng kết nối với cảng biển (luồng tàu, đê ngăn sóng, chắn cát, hệ thống đường giao thông, hệ thống điện nước nối cảng ...);
- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển cảng biển với quản lý bảo vệ môi trường, đảm bảo sự phát triển bền vững; gắn liền với yêu cầu bảo đảm an ninh, quốc phòng.

Theo quy hoạch cảng biển của Chính phủ thì Cảng Cát Lái thuộc nhóm cảng biển Đông Nam Bộ (nhóm 5), gồm các Cảng chính: Cái Mép, Sao Mai – Bến Đình, Phú Mỹ, Mỹ Xuân, Long Sơn, Hiệp Phước (trên sông Soài Rạp), Cát Lái (trên sông Đồng Nai), Phước An, Gò Dầu (trên sông Thị Vải), Phú Hữu, Nhơn Trạch (trên sông Đồng Nai), Khu cảng Nhà Bè (sông Nhà Bè – Lòng Tàu), lượng hàng qua hệ thống cảng này dự kiến khoảng: 185 ÷ 200 triệu T/năm (2015); 265 ÷ 305 triệu T/năm (2020); 495 ÷ 650 triệu T/năm (2030). Cảng Cát Lái (trên sông Đồng Nai) được xác định là khu bến container chính của cảng trong giai đoạn trước mắt, cho tàu 2 ÷ 3 vạn DWT.

Với lợi thế về vị trí và có định hướng đầu tư, phát triển cùng với hệ thống cảng của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái đang phát triển đúng định hướng của Chính Phủ về phát triển hệ thống cảng biển để ngày càng phát triển tốt trong thời gian tới, đủ sức cạnh tranh trong hoạt động cảng biển với các nước trong khu vực và trên thế giới, khẳng định vị trí và ưu thế về kinh tế biển của đất nước.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng lao động trong Công ty

Tổng số lượng lao động trong Công ty tính đến thời điểm hiện tại là 58 người với phân loại cụ thể như sau:

Tiêu chí	Số lượng (lao động)	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ chuyên môn		
Đại học và trên đại học	22	20,6%
Cao đẳng, trung cấp, PTTH, sơ cấp	85	79,4%
Phân loại theo thời hạn hợp đồng		
Hợp đồng không xác định thời hạn	42	39,3%
Hợp đồng có thời hạn từ 1 - 3 năm	33	30,8%
Lao động hợp đồng dưới 1 năm	32	29,9%

Nguồn: Công ty cổ phần Cảng Cát Lái

9.2 Chính sách đối với người lao động

Thời gian làm việc

Do điều kiện sản xuất kinh doanh đặc thù Công ty áp dụng chế độ làm việc theo ca áp dụng đối với lao động trực tiếp tham gia sản xuất và lao động phục vụ, hỗ trợ cho khối sản xuất.

Chế độ làm việc theo giờ hành chính áp dụng đối với lao động khối văn phòng (lao động gián tiếp) và các đối tượng còn lại thuộc khối sản xuất trực tiếp không làm việc theo chế độ ca.

Thời gian làm việc đối với khối làm việc theo giờ hành chính là 40 giờ/tuần. Riêng đối với khối lái cầu, lái xe, CBNV phục vụ hỗ trợ cho khối trực tiếp sản xuất làm việc theo chế độ phân ca theo quy định không quá 48 giờ/tuần.

Thời gian làm việc ban đêm tính từ 22 giờ đến 7 giờ sáng hôm sau đối với lái cầu bãi; ca 4 (từ 22 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau hoặc từ 23 giờ đến 7 giờ sáng hôm sau) đối với lái cầu bờ. Riêng đối với khối nhân viên Giao nhận bến xà lan thì thời gian làm đêm bắt đầu tính từ 19 giờ tối đến 7 giờ sáng hôm sau.

Trường hợp người lao động phải làm thêm giờ (thuộc đối tượng hưởng chế độ làm thêm giờ) thì thời gian thực tế làm thêm trong ngày không quá 4 giờ (không tính thời gian chờ đợi, thời gian trực). Thời gian làm thêm không quá 30 giờ trong một tháng, không quá 200 giờ trong một năm.

Thời gian nghỉ làm việc, nghỉ giữa ca

Đối với lao động làm theo giờ hành chính, thời gian làm việc bố trí như sau:

- Sáng từ 8h00' đến 12h00'
- Chiều từ 13h00' đến 17h00'.

Đối với lao động làm theo ca: Phòng TCLĐ và Hành chính phối hợp với Trưởng phòng/ ban/bộ phận quy định chế độ đi ca phù hợp tình hình sản xuất của từng đơn vị (bố trí 3 ca/24h hoặc 4 ca/24h hoặc quy định khác) đảm bảo sản xuất liên tục và chế độ nghỉ giữa ca hợp lý. Phải có thời gian nghỉ trước khi chuyển ca ít nhất 12 giờ, không được làm 2 ca liên tục. Thời gian nghỉ tính bình quân 01 tháng ít nhất phải 04 ngày (việc sắp xếp ngày nghỉ do Công ty quyết định có thể là ngày chủ nhật hoặc một ngày khác trong tuần, tháng), trường hợp làm thêm giờ được thanh toán theo quy định.

Thời gian nghỉ giữa ca được tính vào thời gian làm việc đối với người lao động làm việc liên tục trong 8 giờ thì được nghỉ 30 phút tính vào giờ làm việc, trường hợp người lao động làm việc vào ca đêm được nghỉ giữa ca 45 phút, tính vào giờ làm việc.

Thời gian nghỉ ngơi

Đối với việc nghỉ lễ, tết, Công ty tuân thủ chế độ nghỉ lễ của Nhà nước.

Đối với lao động đi ca: Sắp xếp, bố trí đi ca phù hợp với đặc thù sản xuất của đơn vị (Ban/bộ phận/đội/tổ) đảm bảo người lao động có thời gian nghỉ ngơi hợp lý để tái sản xuất sức lao động, đảm bảo an toàn lao động, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Đối với lao động theo giờ hành chính: nghỉ làm việc các ngày Thứ bảy, Chủ nhật, trường hợp phải làm thêm bố trí nghỉ bù ngay sau đó (hoặc tháng kế tiếp). Riêng đối với các trường hợp không bố trí nghỉ cố định ngày thứ bảy, chủ nhật thì có thể sắp xếp người lao động nghỉ hai ngày khác trong tuần, hoặc trong tháng.

Điều kiện làm việc

Văn phòng làm việc, bãi làm hàng thông thoáng, sạch sẽ, các phương tiện thiết bị hiện đại. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, hàng năm Công ty trang bị các phương tiện bảo hộ lao động theo quy định pháp luật bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ... Các nguyên tắc về an toàn lao động luôn được Công ty nghiêm túc thực hiện và tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách tuyển dụng và thu hút nhân tài

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tùy theo chức danh, chức vụ đảm nhiệm, Công ty đề ra những tiêu chuẩn riêng như tất cả đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như trình độ chuyên môn; tính chủ động, sáng tạo và nhiệt tình trong công việc. Đối với các chức danh quan trọng như cán bộ quản lý điều hành các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe với các tiêu chuẩn trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ đại học trở lên, kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, dự báo, thuyết trình, đánh giá công việc, trình độ ngoại ngữ, tin học. Ngoài ra Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt liên quan tới các nhân viên giỏi, xuất sắc, có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, thực hiện chính sách thu hút nhân tài, xem nhân sự là nguồn lực quý báu và quan trọng đối với sự phát triển bền vững của Công ty.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Việc trả lương - trả thưởng cho người lao động Công ty phải căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ đóng góp của người lao động theo nguyên tắc: “làm theo năng lực, hưởng theo năng suất”, làm việc theo chức danh, nhiệm vụ phân công; khi thay đổi chức vụ, thay đổi công việc thì hưởng theo chức vụ mới, công việc mới; đồng thời đảm bảo tính hợp lý giữa chế độ trả công lao động áp dụng mức lương theo ngạch bậc, hệ số trách nhiệm được quy định tại thang lương bảng lương đã đăng ký tại phòng Lao động Thương binh - Xã hội Quận 2 và hiệu quả đóng góp thực tế (đánh giá năng suất làm việc) của CBNV gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của Công ty.

Việc khen thưởng phải đảm bảo nguyên tắc kịp thời, đúng đối tượng và xứng đáng với thành tích đạt được nhằm tạo động lực khuyến khích người lao động nỗ lực thi đua, phát huy tính năng động sáng tạo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao góp phần hoàn thành thắng lợi kế hoạch chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty; có chính sách khen

thường theo năng xuất lao động, thưởng đột xuất cho các cá nhân tập thể có thành tích xuất sắc trong công việc và thưởng nhân dịp các ngày lễ tết theo quy định của pháp luật và của Công ty

Về thưởng: Thưởng cán bộ nhân viên nhân dịp tổng kết 6 tháng đầu năm, tổng kết năm, lương tháng 13, 14 thưởng nhân kỷ niệm các ngày lễ, tết và ngày kỷ niệm thành lập Công ty theo quy chế trả lương – thưởng của Công ty.

Quy chế trả lương, thưởng được Công ty xây dựng trên cơ sở thỏa thuận giữa Ban lãnh đạo công ty và Ban chấp hành công đoàn cơ sở, thông qua thỏa ước Hội nghị người lao động và được đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Các khoản chế độ bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn được Công ty trích nộp theo quy định của pháp luật. Các khoản trợ cấp khó khăn hiểu hi được Công ty xây dựng và thực hiện nghiêm túc theo thỏa ước lao động tập thể hàng năm.

10. Chính sách cổ tức

Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật đồng thời đảm bảo ngay khi trả hết cổ tức đã định, Công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức chi trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của HĐQT. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Ghi chú
2009	22%	trả cổ tức bằng tiền mặt
2010	20%	trả cổ tức bằng tiền mặt
2011	18%	trả cổ tức bằng tiền mặt
2012	22%	trả cổ tức bằng tiền mặt
2013	22%	Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết số 05/NQ-ĐHĐCĐ/CLL ngày 12/06/2013

11. Tình hình tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 20/3/2006 và các văn bản sửa đổi bổ sung.

▪ Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

▪ **Khấu hao tài sản cố định**

Từ năm 2012 trở về trước, tài sản cố định được Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tuy nhiên, kể từ ngày 10/06/2013, Công ty sẽ chính thức áp dụng nguyên tắc khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

11.2 Thu nhập bình quân của người lao động

Mức lương bình quân của người lao động tại Công ty giai đoạn 2009 - 2013

Đơn vị tính: đồng/người/tháng

Năm	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Mức lương bình quân	4.093.784	6.701.759	7.696.682	8.450.863	9.537.186

Nguồn: Công ty cổ phần Cảng Cát Lái

Thu nhập bình quân của người lao động tại một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải và kho vận năm 2013

Chỉ tiêu	DVP	TMS	STG
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	12.000.000	9.900.000	10.900.000

Nguồn:

- Dự thảo Báo cáo tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 của Hội đồng quản trị DVP về tình hình thực hiện kết quả SXKD năm 2013 và kế hoạch SXKD năm 2014
- Báo cáo thường niên năm 2013 của TMS
- Báo cáo thường niên năm 2013 của STG

Mức lương bình quân của mỗi cán bộ công nhân viên Công ty không ngừng tăng qua các năm. Năm 2010, mức lương bình quân tăng mạnh (tăng 63,71%) so với năm trước đạt 6.701.759 đồng/người/tháng. Mức lương bình quân hiện nay của Công ty khoảng trên 9,5 triệu đồng/người/tháng đang là mức thấp hơn so với các doanh nghiệp trong ngành. Với tiềm lực phát triển của Công ty, chắc chắn mức thu nhập của người lao động sẽ vẫn tiếp tục được cải thiện trong những năm tới đây.

11.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty hiện nay không có khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ phải trả ngắn và trung hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn.

Tại mục 3 “Quản lý rủi ro tài chính” của Thuyết minh Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013, Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro của Công ty đối với việc trả nợ là trung bình. Công ty có nguồn thu ổn định từ cho thuê cảng biển, do đó có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Bên cạnh đó, Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Ngoài ra, Ban Giám đốc đã cung cấp thêm thông tin cho người đọc Báo cáo tài chính về việc nợ phải trả tài chính đang lớn hơn tài sản tài chính tại thời điểm lập báo cáo 2013 là 5.284.219.978 đồng. Liên quan đến vấn đề này, Ban Giám đốc tin tưởng rằng khả năng hoạt động liên tục của Công ty không bị ảnh hưởng do cổ tức năm 2012 chưa chi trả là 10.182.502.745 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013 sẽ được chi trả theo tình hình tài chính của Công ty. Trong đó, cổ tức chưa chi trả cho 2 cổ đông lớn là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong là 4.345.880.000 đồng.

Bên cạnh đó, để hạn chế rủi ro liên quan, Công ty áp dụng các biện pháp như: thường xuyên theo dõi các yêu cầu thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh trong thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của dòng tiền. Và với công tác lập kế hoạch ngân sách năm 2014 (*dựa trên các nghĩa vụ chi trả Công ty đã cam kết thực hiện trước các đối tác và kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư dự kiến trong năm*), Ban Giám đốc nhận thấy Công ty có đủ khả năng đảm bảo chi trả các khoản nợ đến hạn và việc chi trả các khoản nợ đến hạn cũng sẽ không ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty trong năm 2014 và các năm tiếp theo.

11.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế: thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo luật định. Theo Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2014 chưa kiểm toán, tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty trong 3 tháng đầu năm năm 2014 như sau:

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tỷ lệ thực hiện	Số cuối kỳ
(A)	(1)	(2)	(3)	(4) = (3) : [(1) + (2)]	(5) = (1) + (2) - (3)
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.892.150.590	5.001.770.371	4.230.017.977	61,36%	2.663.902.984
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.964.536.060	5.140.088.031	2.074.914.711	29,21%	5.029.709.380
Thuế thu nhập cá nhân	222.505.468	710.583.854	248.469.908	26,63%	684.619.414
Tiền thuê đất	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	100%	-
Cộng	4.079.192.118	10.855.442.256	6.556.402.596	43,90%	8.378.231.778

Nguồn: BCTC Quý 1 năm 2014 chưa kiểm toán

Theo qui định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 về việc hướng dẫn thực hiện miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, doanh nghiệp được thành lập mới

từ dự án đầu tư thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được hưởng thuế suất ưu đãi 20% trong thời gian 10 năm, miễn thuế 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo.

Công ty đầu tư cảng biển, cảng sông thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư nên được hưởng thuế suất ưu đãi 20% trong thời gian 10 năm, miễn thuế 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo.

Theo đó, năm 2009, 2010 là 2 năm tài chính Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi và được miễn thuế. Trong năm 2011 là năm tài chính thứ 3 Công ty hoạt động kinh doanh có lãi và là năm đầu tiên Công ty được miễn giảm 50% số thuế phải nộp.

Ngoài ra năm 2011, Công ty được miễn 30% thuế thu nhập doanh nghiệp theo thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 101/NĐ-CP ngày 4/11/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân.

11.5 Trích lập các quỹ

Theo Luật doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ của Công ty quyết định. Số dư các quỹ như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013	31/03/2014
Quỹ dự phòng tài chính	4.270.244.522	9.102.522.649	9.102.522.649	9.102.522.649
Quỹ đầu tư phát triển	10.117.009.626	15.963.400.072	17.950.065.862	17.950.065.862
Quỹ khen thưởng phúc lợi	540.873.358	2.947.455.287	333.128.948	967.972.067

Nguồn: BCTC năm 2012, 2013 đã kiểm toán và BCTC Quý 1 năm 2014 chưa kiểm toán

11.6 Tổng dư nợ vay

Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ cảng biển, Công ty sử dụng các khoản vay và nợ dài hạn để đầu tư cơ sở hạ tầng, đầu tư thiết bị cầu cảng để phục vụ kinh doanh. Trong các năm qua, Công ty không sử dụng các khoản vay và nợ ngắn hạn, số dư của khoản mục này trên bảng cân đối kế toán là do kết chuyển từ nợ dài hạn đến hạn trả của năm tiếp theo. Số dư các khoản mục vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty như sau:

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013	31/03/2014
Vay và nợ ngắn hạn	41.073.365.621	39.177.455.078	37.522.400.000	27.522.400.000
Vay và nợ dài hạn	137.739.025.350	99.910.841.789	63.484.459.420	63.484.459.420

Nguồn: BCTC năm 2012, 2013 đã kiểm toán và BCTC Quý 1 năm 2014

Khoản vay dài hạn là khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội – Chi nhánh An Phú theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 04.08.APU/TDH.01/114540.01 để đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị cho dự án đầu tư xây dựng Cảng Cát Lái tại khu đất Vitaco – Cát Lái. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp hình thành từ vốn vay. Số tiền vay là 18.231.302 USD tương đương 293.993.000.000 đồng. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

11.7 Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu

Đơn vị tính: đồng

TT	Các khoản phải thu	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013	31/03/2014
I	Phải thu ngắn hạn	9.164.672.005	14.077.387.090	20.163.906.864	35.570.443.751
1	Phải thu của khách hàng	2.628.388.149	13.785.542.937	12.965.080.886	18.516.401.742
2	Trả trước cho người bán	6.221.582.078	229.344.153	6.761.409.710	5.280.704.377
3	Các khoản phải thu khác	314.701.778	62.500.000	437.416.268	11.773.337.632
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	0	0	0	0
II	Phải thu dài hạn	0	0	0	0
	Tổng cộng	9.164.672.005	14.077.387.090	20.163.906.864	35.570.443.751

Nguồn: BCTC năm 2012, 2013 đã kiểm toán và BCTC Quý 1 năm 2014 chưa kiểm toán

Cùng với sự tăng trưởng của doanh thu, khoản phải thu của khách hàng cũng gia tăng qua các năm. Trong đó, khoản phải thu khách hàng trong năm 2012 có sự tăng trưởng đột biến (*khoản phải thu khách hàng năm 2012 tăng 424,49% so với năm 2011*) và giảm nhẹ vào năm 2013 (*khoản phải thu khách hàng năm 2013 giảm 5,95% so với năm 2012*). Sự gia tăng của các khoản phải thu khách hàng chủ yếu là do sự gia tăng khoản phải thu của Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (*Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn*). Tính đến thời điểm 31/03/2014, nợ phải thu của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn chiếm trên 77,8% tổng số dư nợ phải thu (*tại thời điểm 31/12/2013, chiếm trên 61%*). Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn đạt trung bình trên 15 tỷ đồng/tháng và phía Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn cũng thanh toán định kỳ vào cuối mỗi tháng tiếp theo cho Công ty sau khi hai bên thực hiện đối chiếu và thống nhất được khối lượng công việc thực hiện. Trong quá trình cung cấp dịch vụ cho Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Công ty cổ phần Cảng Cát Lái luôn nhận được sự hợp tác tích cực từ phía khách hàng liên quan đến việc thu hồi công nợ. Bên cạnh đó, các khoản phải thu khách hàng còn lại liên quan đến nhiều đơn vị là những khách hàng có lịch sử giao dịch với công ty và có khả năng tài chính tốt nên Công ty nhận thấy rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu của Công ty là thấp.

 Các khoản phải trả

Đơn vị tính: đồng

TT	Các khoản phải trả	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013	31/03/2014
I	Phải trả ngắn hạn	29.480.135.275	18.755.498.094	25.401.661.371	16.867.109.501
1	Phải trả cho người bán	18.316.466.024	8.962.582.604	8.073.283.087	3.337.150.319
2	Người mua trả tiền trước	0	0	0	
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.375.216.792	661.889.145	4.079.192.118	8.378.231.778
4	Phải trả người lao động	981.217.534	1.032.920.128	2.520.510.833	918.799.710
5	Chi phí phải trả	1.201.768.800	148.255.800	150.481.080	322.390.529
6	Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.064.592.767	5.002.395.130	10.245.065.305	2.942.565.098
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	540.873.358	2.947.455.287	333.128.948	967.972.067
II	Phải trả dài hạn	8.593.000	0	14.400.000.000	13.790.284.090
1	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	8.593.000	0	14.400.000.000	13.790.284.090
	Tổng cộng	29.488.728.275	18.755.498.094	39.801.661.371	30.657.393.591

Nguồn: BCTC năm 2012, 2013 đã kiểm toán và BCTC Quý 1 năm 2014 chưa kiểm toán

11.8 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,53	0,41	0,92
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,52	0,41	0,92
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,39	0,33	0,27
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,64	0,48	0,38
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	285,90	355,22	-
2	Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Lần	0,32	0,33	0,40
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	32,95	39,29	41,42%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
2	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	19,56	20,34	23,46%
3	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	10,65	13,02	0,16
4	Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	35,47	45,37	46,00%
V	Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần				
1	Thu nhập trên mỗi cổ phần (Lợi nhuận sau thuế/Số cổ phiếu lưu hành)	đồng/cổ phần	3.102	2.759	3.427
2	Giá trị sổ sách của một cổ phần (Vốn chủ sở hữu/Số cổ phiếu lưu hành)	đồng/cổ phần	13.518	13.617	15.600

Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của Công ty ổn định và phát triển khá tốt qua các năm. Điều này thể hiện thông qua các chỉ số tài chính, cụ thể:

- **Về khả năng thanh toán:** Chỉ tiêu thanh toán năm 2013 đã tăng đáng kể so với năm 2012 do sự gia tăng đáng kể của các khoản tương đương tiền (*tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở xuống*). Nguồn tiền mặt này cùng với doanh thu từ hoạt động kinh doanh cảng biển có khả năng đảm bảo cho nhu cầu đầu tư và thanh toán các khoản nợ đến hạn của Công ty trong năm.
- **Về cơ cấu vốn:** Tỷ trọng nợ vay trong tổng nguồn vốn của Công ty giảm dần qua các năm thể hiện mức độ an toàn trong cơ cấu tài chính của Công ty cũng gia tăng.
- **Về chỉ số năng lực hoạt động:** Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ cảng biển nên lượng hàng hóa, nguyên liệu tồn kho của Công ty rất thấp và hầu như không thể hiện số dư cuối kỳ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hàng năm. Đây cũng là một yếu tố khá thuận lợi làm tăng hiệu quả hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, Công ty vẫn có khả năng khai thác tài sản ở mức độ tương đối tốt. Các yếu tố này sẽ tạo thuận lợi để Công ty phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong tương lai khi nền kinh tế phục hồi.
- **Về chỉ tiêu khả năng sinh lời:** Các chỉ tiêu sinh lời tương đối cao đã thể hiện khả năng khai thác tài sản hiệu quả và tổ chức hoạt động kinh doanh khá tốt của Công ty.

Tóm lại, Ban điều hành và toàn thể CBCNV đã có những đóng góp tích cực góp phần tạo nên sự phát triển ổn định cho Công ty, qua đó, giá trị của các cổ đông cũng ngày càng được nâng cao.

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

STT	Họ Tên		Chức vụ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Ông	Lê Tấn Hùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông	Nguyễn Đăng Nghiêm	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
3	Ông	Nguyễn Văn Quân	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Ông	Nguyễn Thanh Nhựt	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Ông	Vũ Ngọc Tuyền	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
BAN KIỂM SOÁT			
1	Bà	Vũ Thị Lan Anh	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông	Lâm Văn Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông	Quang Tường Thụy	Thành viên Ban kiểm soát
BAN GIÁM ĐỐC			
1	Ông	Nguyễn Văn Quân	Giám đốc
2	Ông	Ngô Phạm Viết Tuấn	Phó Giám đốc
KẾ TOÁN TRƯỞNG			
1	Ông	Ngô Phạm Viết Tuấn	Kế toán trưởng

12.1 Hội đồng quản trị**a. Ông Lê Tấn Hùng – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- Họ và tên : **LÊ TẤN HÙNG**
- Số CMND : 022025238 do CA TP.HCM cấp ngày 07/06/2011
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 02/09/1963
- Nơi sinh : Tiền Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tiền Giang
- Địa chỉ thường trú : 22 Bis Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : (08) 374 23499
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1978 – 1984	Quận đoàn quận Tân Bình và Trường giáo dục lao động Công nông nghiệp quận Tân Bình	Cán bộ
1984–1987	Đoàn TNCS Phường 7 quận Tân Bình	Bí thư
1987–1989	Học Trung cấp lý luận chính trị Trường Đảng Nguyễn Văn Cừ TP. HCM	Bí thư
1989–1990	Chuyên trách công tác Đảng bộ phường, UBND phường 14, quận Tân Bình	Bí thư chi bộ, uỷ viên UBND
1990–1993	Công ty Sapsimes thuộc Lực lượng TNXP TP.HCM	Cán bộ
1993–1994	Xí nghiệp Đầu tư Phát triển đô thị trực thuộc Lực lượng TNXP TP.HCM	Phó giám đốc
1994–1996	Lực lượng TNXP TP HCM	Phó trưởng phòng Tổ chức
1996–2000	Công ty Đầu tư và dịch vụ TP.HCM	Phó giám đốc
2000–2004	Công ty Đầu tư và xây dựng TNXP	Giám đốc
9/2004–2007	Lực lượng TNXP TP. Hồ Chí Minh	Phó Chỉ huy trưởng
6/2007–2008	Lực lượng TNXP TP. Hồ Chí Minh	Quyền Chỉ huy trưởng
2/2008– nay	Lực lượng TNXP TP. Hồ Chí Minh	Chỉ huy trưởng

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chỉ huy trưởng Lực lượng TNXP TP.Hồ Chí Minh.
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu. Trong đó:
 - + Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quyết định của ĐHĐCĐ
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

b. Ông Nguyễn Đăng Nghiêm – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên : **NGUYỄN ĐĂNG NGHIÊM**
- Số CMND : 024042636 do CA TP.HCM cấp ngày 09/07/2012
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 15/06/1957
- Nơi sinh : Thanh Hóa

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Quảng Giao, Quảng Xương, Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : Số 2/8 Đường 31 Trần Não, P.Bình An, Q.2, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08.3988.0694
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế vận tải biển
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
03/1975– 01/1980	Học viện sỹ quan Trường sỹ quan Hải Quân	Học viên
02/1980– 01/1992	Công tác tại Phòng Cán bộ Hải Quân	Cán bộ công nhân viên
02/1992– 09/2006	Công tác tại Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cán bộ công nhân viên
10/2006 – nay	Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn nay là Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	Tổng Giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép
 - + Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 5.043.809 cổ phiếu. Trong đó:
 - + Cá nhân sở hữu : 29.109 cổ phiếu
 - + Đại diện sở hữu cổ phần của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn: 5.014.700 cổ phiếu
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có

Họ & tên	Mối quan hệ	Số CMND	Địa chỉ thường trú	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Trần Thị Thoa	Vợ	024007790	Số 2/8 Đường 31 Trần Não, Phường Bình An, Quận 2, TP.HCM	3.442	0,014%
Nguyễn Thị Thu Trang	Con	023598988	Số 2/8 Đường 31 Trần Não, Phường Bình An, Quận 2, TP.HCM	70.000	1,125%

- Các khoản nợ đối với công ty: Không có

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quyết định của ĐHĐCĐ
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

c. **Ông Nguyễn Văn Quân – Thành viên Hội đồng quản trị**

- Họ và tên : **NGUYỄN VĂN QUÂN**
- Số CMND : 150162898 do CA Thái Bình cấp ngày 09/02/2006
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 24/10/1963
- Nơi sinh : Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : 180/50 Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : (08) 374.23499
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế vận tải biển
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1982 – 1985	Bộ đội tại E52 F337 Lạng Sơn	Chiến sỹ
1986 – 1992	Sinh viên trường Đại học Hàng Hải Hải Phòng	Học viên
1993 – 9/2007	Công tác tại Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cán bộ công nhân viên
9/2007 – nay	Công tác tại Công ty cổ phần Cảng Cát Lái	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 8.725 cổ phiếu. Trong đó:
 - + Cá nhân sở hữu : 8.725 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
- Số cổ phần của những người có liên quan:

Họ & tên	Mối quan hệ	Số CMND	Địa chỉ thường trú	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Luyện Thị Du	Vợ	025248750	180/50 Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	20.000	0,23%

- Các khoản nợ đối với công ty: Không có

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quyết định của ĐHĐCĐ
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

d. Ông Nguyễn Thanh Nhựt – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên : **NGUYỄN THANH NHỰT**
- Số CMND : 025275203 do Công an TP.HCM cấp ngày 08/05/2010
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 17/10/1976
- Nơi sinh : Long An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Long An
- Địa chỉ thường trú : B405 c/c KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú
- Số điện thoại liên lạc : 08.38249623
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Xã hội học
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
6/2000-2/2003	Trường Giáo dục đào tạo và giải quyết việc làm số 1 – Lực lượng TNXP	Nhân viên Phòng Giáo dục tư vấn; Phó Đội trưởng Đội QLHV; Phó trưởng Phòng GDTV; Trưởng Phòng GDTV
3/2003-6/2004	Trường Giáo dục đào tạo và giải quyết việc làm số 5 – Lực lượng TNXP	Phó Giám đốc
7/2004-4/2005	Phòng Xã hội Lực lượng TNXP	Nhân viên
5/2005-7/2007	Bản tin TNXP	Nhân viên
8/2007-3/2009	Đoàn Thanh niên Lực lượng TNXP	Phó Bí thư; Bí thư Đoàn LL.
4/2009-2/2010	Phòng Tổ chức – lao động tiền lương Lực lượng TNXP	Phó phòng
3/2010-5/2013	Văn phòng Lực lượng TNXP	Phó Chánh Văn phòng; Chánh Văn phòng
6/2013-nay	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 5.850.000 cổ phiếu. Trong đó:

- + Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu
- + Đại diện sở hữu cổ phần của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh Niên Xung phong: 5.850.000 cổ phiếu
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quyết định của ĐHĐCĐ
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

e. Ông Vũ Ngọc Tuyển – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Họ và tên : **VŨ NGỌC TUYẾN**
- Số CMND : 023748452 do Công an TP.HCM cấp ngày 20/07/2005
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20/03/1954
- Nơi sinh : Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : Số 36 Đường 31F, Phường An Phú, Quận 2, TP.HCM
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn: + Cử nhân kinh tế
+ Cử nhân quân sự
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1972 - 1974	Đi chiến trường	Chiến sỹ
1974 - 1977	Học tại Trường Sĩ quan Hải quân	Học viên
1977 - 1991	Thuyền trưởng Lữ đoàn 125	Thiếu úy sau đó là Thiếu tá
1991 - 1994	Học Trung cao Học viện Hải quân	Trung tá
1994 - 2005	Lữ đoàn 125	Đại tá Lữ phó – Tham mưu trưởng – Lữ đoàn trưởng
2005 - 2008	Phòng Tác chiến HQ	Đại tá
2008 – 04/2013	Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Công ty Hoa tiêu Tân Cảng
04/2013 – nay	Nghỉ hưu tại địa phương	

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu
- Số cổ phần của những người có liên quan:

Họ & tên	Mối quan hệ	Số CMND	Địa chỉ thường trú	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Nguyễn Thị Yến	Vợ	023748453	31/2/26 Ung Văn Khiêm, P.25, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	2.734	0,01%

- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quyết định của ĐHĐCĐ
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

12.2 Ban kiểm soát

a. Bà Vũ Thị Lan Anh – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên : **VŨ THỊ LAN ANH**
- Số CMND : 022441963 do Công an TP.HCM cấp ngày 20/10/2004
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 28/07/1971
- Nơi sinh : Quảng Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : 7/2 E Ngô Tất Tố, P.22, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : (08) 374.23499
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1991 - 1992	Công ty Tân Cảng Sài Gòn, kế toán XN Kho vận	Nhân viên
1993 - 2005	Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Trợ lý Tài Chính Phòng Tài chính - Kế toán
2005 - đến nay	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Phó Trưởng phòng TC-Kế toán

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó trưởng phòng tài chính kế toán Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn.

- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 43.167 cổ phiếu. Trong đó:
 - + Cá nhân sở hữu : 43.167 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
- Số cổ phần của những người có liên quan:

Họ & tên	Mối quan hệ	Số CMND	Địa chỉ thường trú	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VDL
Trần Văn Hải	Chồng	023202827	280/A40 Lương Định Của P.An Phú, Q.2, TP. HCM	3.576	0,015%

- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quyết định của ĐHĐCĐ
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

b. Ông Lâm Văn Tuấn – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : **LÂM VĂN TUẤN**
- Số CMND : 022939132 do Công an TP.HCM cấp ngày 18/02/2008
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 14-04-1965
- Nơi sinh : Gò Công - Tiền Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 44-46 Ký Hòa, Phường 11, Quận 5, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : (08) 3 9141900
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán tài chính
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2008 - 4/2010	Lực Lượng TNXP TP.HCM	Kế toán trưởng
5/2010 - 6/2011	Công ty cổ phần cao su TP.HCM	Giám đốc
07/2011- 10/2012	Trung tâm Đầu tư phát triển TNXP - Lực Lượng TNXP	Giám đốc
11/2012 - nay	Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích TNXP	Kiểm soát viên – Phụ trách chung

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kiểm soát viên kiêm Phụ trách chung Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích Thanh niên xung phong.
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 5.000 cổ phiếu. Trong đó:

- + Cá nhân sở hữu : 5.000 cổ phần
- + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quyết định của ĐHĐCĐ
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

c. Ông Quang Tường Thụy – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : **QUANG TƯỜNG THUY**
- Số CMND : 311554259 do CA Tiền Giang cấp ngày 16/07/2008
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 05/08/1979
- Nơi sinh : Tiền Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 1/36 Cù Chính Lan, P.13, Quận Tân Bình, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : (08) 39.141.900
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
10/2002 – 4/2009	Công ty Đầu tư và Xây dựng TNXP	Nhân viên
4/2009 – 4/2013	Trung tâm Đầu tư và Xây dựng TNXP – Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích TNXP	Kế toán trưởng
4/2013 – đến nay	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích TNXP	Phó trưởng phòng

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó trưởng phòng Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Thanh niên Xung phong
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 12.610 cổ phiếu. Trong đó:
 - + Cá nhân sở hữu : 12.610 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quyết định của ĐHĐCĐ

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

12.3 Ban Giám đốc

a. Ông Nguyễn Văn Quân – Giám đốc

(Sơ yếu lý lịch đã trình bày ở Mục c Phần 12.1)

b. Ông Ngô Phạm Viết Tuấn – Phó Giám đốc

- Họ và tên : **NGÔ PHẠM VIẾT TUẤN**
- Số CMND : 023247218 do CA TP.HCM cấp ngày 23/01/2010
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 19/07/1975
- Nơi sinh : TP. HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định
- Địa chỉ thường trú : 480/23B Lạc Long Quân, P.5, quận 11, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : (08) 374 23499
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
6/2002 – 9/2007	Công tác tại Công ty Đầu tư và Xây dựng TNXP	
9/2007 – nay	Công tác tại Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu. Trong đó:
 - + Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
- Số cổ phần của những người có liên quan:

Họ & tên	Mối quan hệ	Số CMND	Địa chỉ thường trú	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ /VĐL
Ngô Phạm Khánh Trình	Em	023247145	480/23B Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, TP.HCM	500	0,002%

- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

12.4 Kế toán trưởng

a. Ông Ngô Phạm Việt Tuấn – Kế toán trưởng

(Sơ yếu lý lịch đã trình bày ở Mục b Phần 12.3)

13. Tài sản

Giá trị tài sản cố định của Công ty theo BCTC Quý 1 năm 2014 chưa kiểm toán được thể hiện như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% giá trị còn lại
1	Tài sản cố định hữu hình	510.571.565.763	365.788.056.635	71,64%
1.1	Nhà cửa, vật kiến trúc	164.756.249.019	104.584.811.438	63,48%
1.2	Máy móc và thiết bị	302.634.637.846	222.912.284.711	73,66%
1.3	Phương tiện vận tải	43.094.917.688	38.290.960.486	88,85%
1.4	Thiết bị quản lý	85.761.210	0	
2	Tài sản cố định thuê tài chính			
3	Tài sản cố định vô hình	79.232.404.441	69.988.623.922	88,33%
3.1	Quyền sử dụng đất	79.232.404.441	69.988.623.922	88,33%
3.2	Phần mềm vi tính	0	0	
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	0	0
	Tổng cộng			

Nguồn: BCTC Quý 1 năm 2014 chưa kiểm toán

Có thể phân loại tài sản cố định của Công ty thành 02 nhóm chính như sau:

13.1 Hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật

- **Cầu cảng B7** tọa lạc tại Cảng Cát Lái, đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, chiều dài 216m. Quy mô cụ thể: Cầu chính rộng 36m, cầu dẫn 15m, có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng đến 30.000 DWT.
- **Hệ thống kê bờ sau cầu tàu:** Giá trị đầu tư: 12.022.589.944 đồng
- **Hệ thống Bãi hàng container, đường thoát nước** với diện tích 6,2ha, khả năng chứa hàng hóa (lưu kho, lưu bãi) kết hợp với hệ thống bãi hàng của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn thành chuỗi kho hàng container liên hoàn với đầy đủ các dịch vụ lưu kho, lưu bãi.

- **Bến sà lan:** Tọa lạc bên cạnh phía thượng lưu cầu cảng B7 của Công ty với quy mô dài 22m bao gồm 1 trụ cầu, 2 trụ va và một trụ neo, chiều dài công tác 6,0 – 9,5m có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng 2.200 DWT.
- **Hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống máy phát điện, trạm biến thế:** Là công trình hạ tầng kỹ thuật cung cấp điện chiếu sáng cho cầu cảng B7 và bãi container của Công ty cụ thể: 1 trạm điện MPA có công suất 3000 KVA, 2 máy phát điện dự phòng công suất 1.000 KVA, hệ thống chiếu sáng bãi gồm 3 trụ điện cao 30m.



Cầu cảng B7 tại Cảng Cát Lái



Hệ thống Bãi hàng container, đường thoát nước

13.2 Hệ thống máy móc thiết bị

- 03 cầu bờ container dạng khung chạy trên ray hiệu K.E, Kocks
- 01 cầu xoay hiệu Liebherr
- 02 cầu khung 6+1 hiệu Kalmar
- Trên 30 xe đầu kéo.

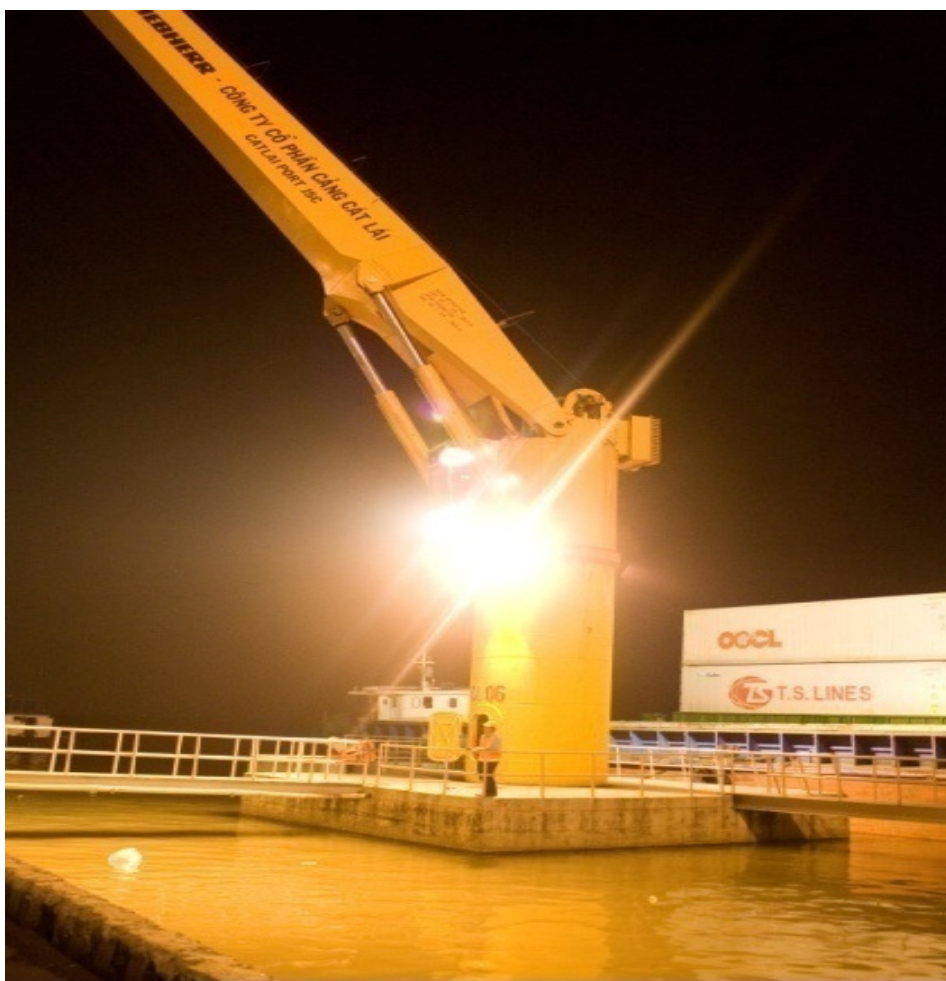
13.3 Tình hình sử dụng đất

Công ty hiện đang sử dụng lô đất diện tích 59.796,2 m² theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm để đầu tư và kinh doanh dịch vụ cảng, cụ thể:

Địa điểm	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Tình trạng pháp lý	Thời hạn thuê
Phường Cát Lái, Quận 2	59.796,2	Xây dựng cảng	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA489976 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/05/2010 (số vào sổ cấp GCN: CT00475)	50 năm, kể từ ngày 27/08/2007
Tổng số	59.796,2			



Cầu Kamar 6+1 làm hàng tại bãi container



Cầu xoay hiệu Liebherr làm hàng tại bến sà lan



Cầu container dạng khung chạy trên ray hiệu K.E làm hàng tại cầu tàu



Xe đầu kéo của Công ty đang làm nhiệm vụ liên vận quốc tế Việt Nam - Lào

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo**14.1 Định hướng phát triển của Công ty**

Công ty được thành lập nhằm mục đích huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, kinh doanh các dịch vụ cung ứng cảng biển, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đem lại nguồn lợi nhuận ngày tăng cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Trên nền tảng phát triển ổn định của dịch vụ cung ứng dịch vụ cảng biển, Công ty sẽ cân nhắc việc đa dạng hóa ngành nghề, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh khi có điều kiện thích hợp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

14.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	
	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2013
Tổng doanh thu	229.000.000.000	14,51%
Tổng chi phí	135.120.640.439	24,45%
Lợi nhuận sau thuế	75.103.487.649	-8,69%
Vốn điều lệ	240.000.000.000	0%
Tỷ suất sinh lời/Vốn điều lệ	31,29%	-
Cổ tức	52.800.000.000	0%
Tỷ lệ cổ tức/vốn cổ phần	22%	-

Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái

14.3 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận trên đây, Công ty xây dựng trên cơ sở đánh giá năng lực hoạt động nội tại kết hợp với những dự báo về tiềm năng phát triển của nền kinh tế Việt Nam và xu hướng kinh tế thế giới nói chung và ngành dịch vụ giao nhận vận tải xếp dỡ tại cảng biển nói riêng trong thời gian tới, cụ thể:

- Việc đầu tư thêm thiết bị xếp dỡ tại cầu tàu của Công ty sẽ làm tăng năng suất giải phóng tàu qua cầu tàu B7 và tăng hệ số sử dụng cầu tàu. Hoạt động đầu tư này đảm bảo doanh thu cung ứng từ dịch vụ cảng biển tại cầu tàu B7 có tốc độ tăng các năm tiếp theo sẽ có tốc độ tăng trưởng tối thiểu 5%/năm (trong đó doanh thu từ hoạt động xếp dỡ container tại cầu tàu B7 tăng 10% mỗi năm).
- Hoạt động tại bãi container đã đi vào ổn định với tốc độ tăng doanh thu từ 5 – 10%, đặc biệt là hoạt động tại bến sà lan sẽ dự báo ngày càng phát triển và tốc độ tăng trưởng 20% sau khi cảng nước sâu Cảng Tân Cảng – Cái Mép đi vào hoạt động đồng bộ (bao gồm Cảng container giai đoạn 1 và giai đoạn 2) sẽ là trạm trung chuyển kết nối hàng hóa giữa Cảng Cát Lái và Cảng Tân Cảng – Cái Mép thông qua đường thủy đồng thời đảm nhận việc giao nhận hàng hóa giữa Cảng Cát Lái và các cụm cảng khu

vực Miền Tây bằng đường thủy (do hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ từ khu vực TP.HCM kết nối với khu vực các tỉnh miền Tây chưa đồng bộ và chưa đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa ngày càng tăng giữa 2 khu vực này).

✚ Một số biện pháp thực hiện để hoàn thành kế hoạch kinh doanh

Nhằm đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên, Công ty đã nêu ra định hướng phát triển và các giải pháp thực hiện cụ thể như sau:

- Tập trung nâng cao năng lực điều hành sản xuất, nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực xếp dỡ; hoàn thiện đưa vào khai thác hơn 30 xe đầu kéo đáp ứng nhu cầu cung ứng dịch vụ vận tải, nhằm mục tiêu phát triển của Công ty; mở rộng hoạt động đầu tư góp vốn sản xuất kinh doanh khi có điều kiện thích hợp nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông.
- Về hoạt động đầu tư, nhằm bảo đảm thực hiện các kế hoạch kinh doanh trong giai đoạn trên, Công ty tiến hành đầu tư thêm các trang thiết bị xếp dỡ với công nghệ hiện đại nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực cảng biển ngày càng có sự cạnh tranh gay gắt; đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật toàn diện, đồng bộ có khả năng kết nối với hệ thống Cảng của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, cung cấp một chuỗi cung ứng logistics trọn gói (từ cung ứng xếp dỡ, lưu kho, lưu bãi, thủ tục thông quan, vận chuyển) hoàn hảo, nhanh chóng, chính xác, gia tăng nhiều tiện ích của hệ thống Cảng nhằm đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu ngày càng phát triển, nhu cầu đa dạng của khách hàng.
- Tập trung chỉ đạo từng bước nâng cao năng lực điều hành sản xuất, chỉ đạo sát sao tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty để có những biện pháp điều chỉnh kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và chất lượng đầu tư.
- Trong công tác quản lý, đánh giá khen thưởng xử phạt kịp thời, sử dụng CBCNV đúng người, đúng việc; không ngừng đổi mới lề lối và phương pháp làm việc; đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo, nêu cao ý thức tăng cường trách nhiệm cá nhân, làm việc có hiệu quả, tăng cường công tác đào tạo, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực; đoàn kết, nhất trí, gắn bó để tạo nên sức mạnh tổng hợp hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Tăng cường sự quản lý của Ban điều hành với các hoạt động của Công ty; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu chi, có biện pháp tiết kiệm giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; đầu tư theo hướng hiện đại các thiết bị, tạo sự phát triển ổn định lâu dài, chuẩn bị tiền đề để mở rộng các dịch vụ khác sau này nhằm tăng cường năng lực khai thác cảng và nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Thường xuyên kiểm tra giám sát đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động.
- Tổ chức thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ và kịp thời phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Lập kế hoạch sử dụng vốn và tìm kiếm các nguồn vốn phù hợp đảm bảo đủ vốn cho công tác sản xuất và đầu tư, tiếp tục đầu tư trang thiết bị hoàn thiện nâng cao năng suất xếp dỡ.
- Trẻ hoá nguồn lao động, đảm bảo về chất lượng, vững vàng chuyên môn nghiệp vụ nhằm tạo ra nguồn lao động có tính kế thừa, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của

Công ty; đặc biệt chú trọng đến đội ngũ lao động chất lượng cao.

- Luôn quan tâm đến đời sống vật chất tinh thần CBCNV Công ty, thu nhập tăng ổn định phù hợp với mức độ tăng trưởng của doanh thu, đảm bảo việc làm cho người lao động, tạo không khí phấn khởi, gắn bó với Công ty, nâng cao trách nhiệm trong công việc của CBCNV.
- Sự đoàn kết nhất trí cao trong HĐQT, BGD, BKS cùng với quyết tâm cao của toàn thể CBCNV Công ty.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái được tính toán dựa trên kết quả kinh doanh của các năm quá khứ để đánh giá năng lực cung ứng dịch vụ của Công ty kết hợp với những nhận định tiềm năng phát triển ngành và vị thế của Công ty trong hoạt động cung ứng dịch vụ cảng biển tại Việt Nam.

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái cùng với việc phân tích, đánh giá về triển vọng phát triển kinh tế và nhu cầu lưu thông hàng hóa tại khu vực TP. Hồ Chí Minh và các Tỉnh lân cận, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái dự kiến trong năm 2014 là có thể đạt được nếu không gặp phải những rủi ro không lường trước và những yếu tố bất khả kháng khác.

Việc tham gia sâu và rộng của kinh tế Việt Nam vào sân chơi kinh tế thế giới đã và đang mở ra cơ hội rất lớn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này. Tuy nhiên cũng phải thừa nhận các doanh nghiệp trong ngành đang phải đối mặt với cạnh tranh gay gắt từ phía các công ty nước ngoài có uy tín trên thế giới. Mặc dù vậy với lợi thế sân nhà am hiểu văn hóa và tập quán địa phương, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái vẫn có những lợi thế riêng biệt. Với tốc độ phát triển nhanh và mạnh của ngành logistics hiện nay (mục tiêu trong tương lai không xa ngành logistics sẽ trở thành một ngành kinh tế quan trọng đóng góp tới 15% GDP cả nước), chúng tôi tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty hoàn toàn có thể duy trì và tăng trưởng trong những năm tới với tốc độ từ 7%-10% (bằng và cao hơn một chút so với tốc độ tăng trưởng GDP của cả nước).

Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong các năm 2014 là có tính khả thi và Công ty cũng đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông như kế hoạch.

Chúng tôi lưu ý rằng nhận xét trên của chúng tôi chỉ có tính chất tham khảo cho các nhà đầu tư. Chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Không có.

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng.

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết là 24.000.000 cổ phiếu.

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

Theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ - CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, quy định: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”. Theo đó, số cổ phần hạn chế chuyển nhượng đối với các cá nhân và tổ chức theo quy định trên của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái kể từ ngày niêm yết là **98.611** cổ phần, cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ nắm giữ tại tổ chức niêm yết	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng					
1	Lê Tấn Hùng	Chủ tịch HĐQT	0	0	
2	Nguyễn Đăng Nghiêm	Phó Chủ tịch HĐQT	29.109	0,12	
3	Nguyễn Văn Quân	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	8.725	0,04	
4	Vũ Ngọc Tuyến	Thành viên HĐQT độc lập	0	0	
5	Nguyễn Thanh Nhựt	Thành viên HĐQT	0	0	
6	Ngô Phạm Viêt Tuấn	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	0	0	
Ban kiểm soát					

Stt	Họ và tên	Chức vụ nắm giữ tại tổ chức niêm yết	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
1	Vũ Thị Lan Anh	Trưởng BKS	43.167	0,18	
2	Lâm Văn Tuấn	Thành viên BKS	5.000	0,02	
3	Quang Tường Thụy	Thành viên BKS	12.610	0,05	
	Tổng		98.611	0,41	

Nguồn: Công ty cổ phần Cảng Cát Lái

5. Phương pháp tính giá

Giá cổ phiếu Cảng Cát Lái được tính toán theo Phương pháp so sánh với các doanh nghiệp cùng hoạt động trong ngành vận tải và kho vận (P/E và P/BV).

5.1 Tiêu chí lựa chọn công ty để so sánh

- Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải và kho vận có cổ phiếu niêm yết tại HSX;
- Quy mô vốn điều lệ của các công ty lựa chọn để so sánh trong khoảng từ 80 – 400 tỷ.

5.2 Công thức tính theo phương pháp P/E

$$P = EPS \times (P/E)_{BQ}$$

Trong đó:

P : Giá 1 cổ phần

EPS : Thu nhập trên mỗi cổ phần (tính cho 4 quý gần nhất đến thời điểm định giá)

$(P/E)_{BQ}$: Hệ số giá trị cổ phiếu thị trường/thu nhập trên mỗi cổ phần bình quân

▪ Xác định EPS 4 quý gần nhất (giai đoạn 31/03/2013 – 31/03/2014)

EPS 4 quý gần nhất được ước tính căn cứ trên BCTC năm 2013 đã kiểm toán và BCTC Quý 1/2014 chưa kiểm toán của các Công ty được công bố trên website của Sở giao dịch Chứng khoán Tp. HCM, cụ thể như sau:

Mã CP	Lợi nhuận sau thuế (đồng)				Số lượng CP lưu hành bình quân trong kỳ (31/03/2013 - 31/03/2014)	EPS 4 quý gần nhất (đồng/cổ phần)
	3 tháng đầu năm 2013	Năm 2013	3 tháng đầu năm 2014	31/03/2013 – 31/03/2014		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4) + (3) – (2)	(6)	(7) = (5) : (6)
DVP	46.211.582.002	196.993.996.006	45.900.976.966	199.735.958.200	40.000.000	4.917
STG	6.430.873.988	24.061.424.659	6.030.190.421	23.660.741.092	8.351.857	2.833
TMS	35.950.522.397	97.075.359.346	16.907.054.074	78.031.891.023	23.073.824	3.382
TCL	23.284.303.593	85.190.498.230	21.829.044.441	83.735.239.078	20.943.893	3.998

5.3 Công thức tính theo phương pháp P/BV

5.3

5.3

5.3

5.3

5.3

5.3

5.3

5.3

Trong đó:

$$P : \text{Giá 1 cổ phần}$$

$$BV : \text{Giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu tại thời điểm 31/03/2014}$$

$$(P/BV)_{BQ} : \text{Hệ số giá trị cổ phiếu thị trường/giá trị cổ phiếu sổ sách bình quân}$$

5.4 Xác định $(P/BV)_{BQ}$ và $(P/E)_{BQ}$:

Mã cổ phiếu	EPS 4 quý gần nhất (đồng/cổ phần)	BV (31/03/2014) (đồng/cổ phần)	P (25/04/2013) (đồng/cổ phần)	P/E	P/B	Trọng số
DVP	4.917	19.112	41.200	8,38	2,16	0,60
STG	2.833	16.980	29.600	10,45	1,74	0,05
TMS	3.382	21.221	36.900	10,91	1,74	0,17
TCL	3.998	20.538	24.000	6,00	1,17	0,18
Bình quân				8,50	1,89	

5.5 Xác định giá cổ phiếu

Giá cổ phiếu của Công ty cổ phần Cảng Cát Lái được xác định như sau:

Vốn Chủ sở hữu tại thời điểm 31/03/2014	391.089.523.120	đồng
Tổng số cổ phần đang lưu hành	24.000.000	cổ phần
Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (BV)	16.295	đồng/cổ phần
Thu nhập trên mỗi cổ phần 4 quý gần nhất (EPS)	3.447	đồng/cổ phần

P/BV bình quân ngành	1,89 lần
P/E bình quân ngành	8,50 lần
Giá cổ phiếu:	
- $P = BV \times P/BV_{BQ}$	29.692 đồng/cổ phần
- $P = EPS \times P/E_{BQ}$	29.300 đồng/cổ phần

5.6 Tổng hợp kết quả

Kết quả định giá cổ phiếu Công ty cổ phần Cảng Cát Lái được tổng hợp như sau:

Phương pháp	Giá cổ phần (đồng/cổ phần)	Tỷ trọng
Phương pháp P/E	29.300	50%
Phương pháp P/BV	29.692	50%
Giá bình quân 1 cổ phần	29.496	

Như vậy, giá cổ phiếu dự kiến giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh là **29.500 đồng/cổ phần**.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái không quy định về giới hạn về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty.

Tuy nhiên, sau khi cổ phiếu của Cảng Cát Lái được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài sẽ tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Theo đó, tổ chức, cá nhân nước ngoài mua bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết của một tổ chức đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán. Tại ngày 24/05/2013, tỷ lệ sở hữu của bên nước ngoài trong vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái là 0%.

7. Các loại thuế có liên quan

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế nhưng được miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007, cụ thể: Công ty đầu tư cảng biển, cảng sông thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư nên được hưởng thuế suất ưu đãi 20% trong thời gian 10 năm, miễn thuế 2 năm đầu khi đi vào hoạt động và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo. Thời gian ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp được tính từ năm tài chính 2009 như sau:

- Năm 2009 và năm 2010: kinh doanh có lãi được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp là 100%.

- Từ năm 2011 đến 2013: kinh doanh có lãi Công ty được miễn giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- Từ năm 2013 đến 2018: Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 20%.

Ngoài ra, Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 của Bộ Tài Chính về một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân trong năm 2012, Công ty được miễn giảm 30% số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2012.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Trụ sở chính: 56 – 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (08) 3821 8666 Fax: (08) 3914 4372

Chi nhánh Hà Nội: 181 Nguyễn Lương Bằng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (04) 3944 5175 Fax: (04) 3944 5178

Chi nhánh Đông Sài Gòn: Tầng 7, Tòa nhà 134/1 Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, TP. HCM

Điện thoại : (08) 3862 9666 Fax: (08) 3868 4748

Website: www.dag.vn

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (08) 3827 2295 Fax: (08) 3827 2300

Website: www.auditconsult.com.vn

VI. PHỤ LỤC LIÊN QUAN CỦA BẢN CÁO BẠCH

Phụ lục	Danh mục
Phụ lục I	Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
Phụ lục II	Bản sao hợp lệ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty
Phụ lục III	Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2014 chưa kiểm toán, Báo cáo tài chính năm 2013, 2012 đã kiểm toán
Phụ lục IV	Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, BKS, Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 05 năm 2014

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GIÁM ĐỐC



LÊ TÁN HÙNG

NGUYỄN VĂN QUÂN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VŨ THỊ LAN ANH

NGÔ PHẠM VIỆT TUẤN

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



TRƯƠNG NGUYỄN THIÊN KIM

